



**Sơ lược lịch sử công tác tư tưởng của
đảng cộng sản Việt Nam(1930-2000)**



Sơ lược lịch sử công tác tư tưởng của đảng cộng sản Việt Nam(1930-2000)

CHƯƠNG II

CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 - 1954)

1. ĐỘNG VIÊN PHONG TRÀO QUẢN CHÚNG ĐẤU TRANH GIỮ VỮNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, TIẾN HÀNH KHÁNG CHIẾN Ở MIỀN NAM VÀ CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC

Sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai, tình hình quốc tế có những thay đổi cơ bản. Liên Xô trở thành một cường quốc xã hội chủ nghĩa, có uy tín và ảnh hưởng sâu rộng, là trụ cột của lực lượng hòa bình và dân chủ trên thế giới, là chỗ dựa của nhân dân các nước đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Được sự giúp đỡ của Liên Xô, một loạt nước Đông Âu và miền Bắc Triều Tiên được giải phóng khỏi ách phát xít, tiến hành các cải cách dân chủ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ làm rung chuyển hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Cách mạng Trung Quốc do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã có lực lượng mạnh và những vùng giải phóng rộng lớn. Cuộc đấu tranh để giành độc lập của nhiều nước thuộc địa và nửa thuộc địa ngày càng lớn mạnh, có nơi đã giành được một phần quyền làm chủ đất nước. Ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào đòi tự do dân chủ, đòi cải thiện đời sống của các tầng lớp nhân dân cũng phát triển mạnh mẽ. ở một số nước như Pháp và Ý, Đảng Cộng sản có uy tín lớn, có vị trí quan trọng trong đời sống chính trị của đất nước. Phe đế quốc suy yếu đi nhiều. Đức, Ý, Nhật bị đánh bại, Anh, Pháp tuy chiến thắng nhưng kiệt quệ về kinh tế, suy yếu hơn về chính trị, quân sự. Riêng đế quốc Mỹ lợi dụng chiến tranh đã vượt lên về kinh tế, chính trị, quân sự và khoa học, kỹ thuật. Dựa vào sức mạnh kinh tế và độc quyền

về vũ khí nguyên tử, Mỹ muốn giành quyền bá chủ thế giới. Mỹ dùng hình thức “viện trợ kinh tế” để buộc Anh, Pháp và các nước tư bản khác lệ thuộc vào mình, xâm nhập vào các nước thuộc địa bằng chủ nghĩa thực dân mới.

Tuy bọn đế quốc mâu thuẫn với nhau sâu sắc nhưng trước sự lớn mạnh của Liên Xô và phong trào cách mạng thế giới, chúng câu kết với nhau lập mặt trận bao vây Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân, chống phá phong trào cách mạng thế giới.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Sự lớn mạnh của Liên Xô và phong trào cách mạng thế giới là điều kiện khách quan thuận lợi để nhân dân ta giữ vững chính quyền và xây dựng chế độ mới. Tuy nhiên, do tính chất triệt để chống đế quốc, lại có vị trí đi đầu trong phong trào chống chủ nghĩa thực dân ở một địa bàn chiến lược ở Đông Nam Á cho nên cách mạng Việt Nam đã trở thành đối tượng chống phá chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế.

Sau Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, chính quyền cách mạng mới ra đời đã gặp muôn vàn khó khăn. Nạn đói khủng khiếp chưa chấm dứt lại xảy ra lụt lớn ở Bắc Bộ, sau đó lại đến hạn hán. Sản xuất đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả cao vọt. Về mặt tài chính, Nhà nước gặp khó khăn lớn: Kho bạc trống rỗng, thuế chưa thu được. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời chưa được nước nào trên thế giới công nhận. Giữa lúc ấy thì hơn hai mươi vạn quân của Tưởng Giới Thạch tràn vào thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, lật đổ chính quyền nhân dân, lập chính phủ phản động làm tay sai cho chúng.

Ở miền Nam quân đội Anh kéo vào, mở đường cho quân đội thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn rồi mở rộng chiến tranh ra toàn Nam Bộ, Nam Trung Bộ. Một đội quân Pháp từ Vân Nam trở về chiếm đóng tỉnh Lai Châu. Bọn phản động người Việt (tập hợp trong hai tổ chức: Việt Nam quốc dân đảng và Việt Nam cách mạng đồng minh hội) theo gót quân đội Tưởng, được chúng giúp đỡ đánh chiếm các thị xã Lao Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Bắc Ninh, Móng Cái, hô hào chống lại chính quyền cách mạng, tổ chức

bạo loạn.

Bọn chúng được quân Tưởng hỗ trợ lập trụ sở ở nhiều khu phố Hà Nội, tự xưng là những người yêu nước, nói xấu chính quyền cách mạng, xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản. Chúng tập hợp các loại phản cách mạng từ bọn phản động trong giai cấp địa chủ, tư sản, trong đạo Thiên Chúa đến bọn Tờrôtkít. . . vào cái gọi là “Mặt trận quốc gia”. Chúng mắc loa phóng thanh tuyên truyền, xuất bản báo chí phản động, tổ chức mít tinh, biểu tình vận động, bãi thị, bãi khóa, tổ chức ám sát, bắt cóc, nhằm lật đổ chính quyền.

Chính quyền cách mạng mới ra đời kinh tế tài chính kiệt quệ, trên đất nước có tới 30 vạn quân đội thù địch nước ngoài. Vận mệnh dân tộc ta lúc này khác nào “ngàn cân treo sợi tóc”, chính quyền cách mạng có thể bị lật đổ. Nhưng cũng chính vào lúc này, nhân dân ta đã làm chủ đất nước tràn đầy phấn khởi, tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính quyền cách mạng và Mặt trận Việt Minh, sẵn sàng làm mọi việc để bảo vệ độc lập, tự do.

Ngay sau ngày công bố Tuyên ngôn Độc lập (2-9- 1945), trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng nêu ra 6 nhiệm vụ cần kíp: chống đói; chống dốt; tổng tuyển cử; xây dựng nếp sống mới; xoá bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò; tín ngưỡng tự do. Sau đó Người đã bổ sung và khái quát thành ba nhiệm vụ lớn: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm.

Trong tháng 9, cuộc đấu tranh phức tạp, gay gắt của nhân dân miền Bắc chống lại quân đội Tưởng và bè lũ tay sai diễn ra cùng một lúc với cuộc kháng chiến anh dũng và gian khổ của nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Công tác tư tưởng lúc này tập trung giáo dục ý chí kiên cường, bất khuất, quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững lời thề ngày “Tuyên ngôn độc lập” 2-9 “Quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập”^[1], cổ vũ nhân dân thực hiện ba nhiệm vụ lớn: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại

xâm.

Ngay sau khởi nghĩa, *Bộ Tuyên truyền* được thành lập do đồng chí Trần Huy Liệu làm Bộ trưởng đã tiếp quản các cơ sở tuyên truyền, báo chí của chế độ cũ và đài phát sóng Bạch Mai. Đài phát thanh *Tiếng nói Việt Nam* được thành lập và hoạt động từ ngày 7-9-1945. *Việt Nam Thông tấn xã* cũng được thành lập để cung cấp tin cho các cơ quan lãnh đạo và phục vụ công tác tuyên truyền. Ngày 15-9 Việt Nam Thông tấn xã đã chính thức phát tin bằng sóng vô tuyến ra thế giới bằng ba thứ tiếng Việt, Pháp, Anh.

Báo *Cờ giải phóng* của Đảng, *Cứu Quốc* của Mặt trận Việt minh, *Lao động* của Hội Công nhân cứu quốc, *Tiếng gọi phụ nữ* của Hội Phụ nữ cứu quốc, *Hồn nước* của Đoàn thanh niên cứu quốc, *Độc lập* của Đảng Dân chủ đã được phát hành công khai, rộng rãi. Khắp nơi tổ chức các cuộc mít tinh, các buổi nói chuyện về việc thành lập Chính phủ cách mạng, chính quyền địa phương và những nhiệm vụ công tác trước mắt.

Khi quân Tưởng kéo vào, đâu đâu chúng cũng thấy những khẩu hiệu “Hoa-Việt thân thiện”, “Kiên quyết ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh”, “Việt Nam độc lập muôn năm” . Ngày 11-9-1945 tướng Lư Hán vào Hà Nội thì ngày 14-9- 1945 đã được chứng kiến hàng chục vạn nhân dân Hà Nội biểu tình phản đối quân đội Anh yểm trợ cho quân đội thực dân Pháp trở lại miền Nam.

Đầu tháng 10, Tổng tham mưu trưởng quân đội Tưởng, tướng Hà ứng Khâm đến Hà Nội để thúc đẩy thực hiện âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng lại được đón tiếp bằng một cuộc biểu tình của hơn 30 vạn nhân dân Hà Nội. Các đoàn biểu tình hàng ngũ chỉnh tề mang theo cờ, băng, biểu ngữ, hô vang các khẩu hiệu “Nước Việt Nam của người Việt Nam”, “ủng hộ Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà”, "ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh", "Đả đảo thực dân xâm lược Pháp".

Ngày 26-9- 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào Nam Bộ, nêu rõ cuộc kháng chiến ở Nam Bộ được cả nước ủng hộ, biểu dương gương chiến đấu dũng cảm của

quân dân Nam Bộ, nêu rõ quyết tâm của toàn dân ta: "Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ"[\[2\]](#), khẳng định cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng ta nhất định thắng lợi. Công tác tuyên truyền đã liên tục tố cáo âm mưu và tội ác của thực dân Pháp ở miền Nam, động viên lòng căm thù và ý chí quyết tâm chống xâm lược, ủng hộ đồng bào miền Nam kháng chiến. Các tỉnh đều có những cuộc mít tinh, biểu tình, biểu dương lực lượng chống thực dân Pháp xâm lược. Các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ đều có nhiều hình thức động viên phong phú để quyên góp thuốc men, quần áo, vũ khí chi viện cho cuộc kháng chiến ở miền Nam như tổ chức ra các "Phòng Nam Bộ", "Ngày Nam Bộ". Hàng vạn thanh niên nô nức tham gia tòng quân, xung phong "Nam tiến". Các cuộc tiến đưa các đoàn quân "Nam tiến" diễn ra hào hùng trong tiếng ca cách mạng.

Ở Nam Bộ, ngay từ đầu tháng 9-1945 khi quân Pháp bám gót quân Anh kéo vào, công tác tuyên truyền đã được tiến hành sâu rộng nhằm nâng cao ý chí chiến đấu bảo vệ thành quả cách mạng. Ở Sài Gòn Chợ Lớn, chiều 23-9- 1945 ta vận động đồng bào tổng đình công, không hợp tác với giặc, lập các công sự, tổ chức cuộc chiến đấu trong thành phố bằng các vũ khí sẵn có. Từ cuối tháng 9 đến đầu tháng 10, cuộc chiến đấu của các lực lượng tự vệ công nhân, tự vệ thanh niên, công an xung phong cùng với nhân dân thành phố đã gây cho quân đội Anh, Pháp khôn đốn: điện, nước bị cắt, tiếp tế khó khăn, luôn luôn bị ta tập kích tiêu hao, tiêu diệt, buộc chúng phải tìm cách điều đình với ta để tạm thời hoà hoãn cho đến khi có thêm quần tiếp viện. Vì chưa có thời gian chuẩn bị, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ lúc đầu có nhiều khó khăn, nhưng sau hội nghị Xứ ủy Nam Bộ, đảng bộ Nam Bộ được củng cố, ta rút được kinh nghiệm bước đầu, tổ chức lại các lực lượng vũ trang, phát triển cơ sở chính trị, đẩy mạnh chiến tranh du kích, làm thất bại âm mưu đánh nhanh, giải quyết nhanh của Pháp.

Tháng 2- 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ tặng đồng bào Nam Bộ danh hiệu vẻ vang "*Thành đồng Tổ quốc*" cổ vũ mạnh mẽ cuộc chiến đấu của quân, dân miền Nam.

Ở miền Bắc, ngay từ khi đưa quân vào nước ta, bọn Tưởng cũng đã thấy quyết tâm bảo

vệ chủ quyền của nhân dân ta, bắt buộc phải liên hệ với chính quyền cách mạng để giải quyết những nhu cầu về hậu cần, tiếp tế. Nhân dân ta ngày càng thấy rõ dã tâm của chúng và bọn phản động tay sai nên tỏ rõ thái độ phản đối, bất hợp tác với những hành động vu cáo, phá rối của bọn tay sai Việt quốc, Việt cách.

Ngày 17- 10-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư gửi Ủy ban nhân dân các bộ, tỉnh, huyện và làng, chỉ rõ tính chất và nhiệm vụ chính quyền cách mạng. Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng đều là công bộc của dân, đều là đầy tớ của dân nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ thống trị của đế quốc Pháp, Nhật. Nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì. Người cũng vạch ra những lầm lỗi cần phải sửa chữa của một số cán bộ: Cây thế, làm trái phép, hủ hoá, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo. *Bức thư này bước đầu đã xây dựng cơ sở lý luận cho chính quyền kiểu mới ở nước ta.*

Ngày 25- 11- 1945, Trung ương Đảng ra chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc”, phân tích tình hình trong nước và thế giới, đánh giá thái độ của đế quốc Pháp, Anh, Mỹ và phản động Tưởng Giới Thạch, xác định cách mạng nước ta vẫn là cách mạng giải phóng dân tộc, kẻ thù chính của nhân dân ta là thực dân Pháp xâm lược. Hai nhiệm vụ chiến lược là kháng chiến chống thực dân Pháp và xây dựng chế độ mới. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân. Chỉ thị cũng nêu rõ những biện pháp cơ bản về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao để thực hiện nhiệm vụ trên.

Về tuyên truyền, khẩu hiệu vẫn là: “Dân tộc trên hết”, “Tổ quốc trên hết”, chỉ nói đánh thực dân Pháp xâm lược, không nói đánh cả Anh, Pháp, không công kích nước Pháp và dân Pháp.

Chỉ thị kháng chiến kiến quốc vạch ra sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược sau Cách mạng Tháng Tám, soi đường cho nhân dân ta giữ vững chính quyền cách mạng,

từng bước xây dựng chế độ mới trong tình hình vô cùng khó khăn, phức tạp lúc này.

Các cán bộ Đảng, đoàn thể, Mặt trận được phái đi khắp mọi nơi tuyên truyền, vận động nhân dân tăng gia sản xuất, chống đói, xoá nạn mù chữ, phát triển và củng cố các đoàn thể cứu quốc.

Mở đầu phong trào tăng gia sản xuất, chống đói, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “Tăng gia sản xuất ! Tăng gia sản xuất ngay ! Tăng gia sản xuất nữa. Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập”[\[3\]](#). Trong Lời kêu gọi đồng bào cả nước ra sức cứu đói Người viết: “... Tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước và tôi xin thực hành trước:

Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ để cứu dân nghèo”[\[4\]](#). Theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phong trào tăng gia sản xuất, cứu đói sôi nổi ở khắp nơi.

Với khẩu hiệu “tác đất, tác vàng”, “không một tác đất bỏ hoang”, các khu hoang hoá được khai khẩn, trồng trọt. Nhiều sáng kiến tương trợ, đùm bọc lẫn nhau của nhân dân để cứu đói như tổ chức “Hũ gạo cứu đói”, “Ngày nhịn ăn cứu đói” được thực hiện ở cả nông thôn, thành phố.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất cứu đói, Đảng lãnh đạo chính quyền thực hiện việc tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho nông dân nghèo, chia lại công điền, giảm tô, bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác. Nhờ đó sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được khôi phục. Việc chống nạn mù chữ cũng được tuyên truyền rộng rãi thành một cao trào ở các địa phương. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ... Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo...”[\[5\]](#)

Nội dung và hình thức tuyên truyền chống mù chữ rất phong phú. Khắp nơi có khẩu hiệu

“Tiền tuyến diệt xâm lăng, hậu phương trừ giặc đói”, “Thêm một người đi học là thêm một viên gạch xây nền độc lập của nước nhà”... Nhiều ca dao, hò vè được sáng tác để cổ vũ phòng trào, gây ấn tượng sâu sắc, như: “Lấy chồng biết chữ là tiên, lấy chồng mù chữ là duyên lỡ làng”. Sau một năm đã có 2 triệu người thoát nạn mù chữ. Thắng lợi trên mặt trận sản xuất, chống nạn mù chữ có ý nghĩa chính trị rất lớn làm cho nhân dân càng tin tưởng vào chính quyền cách mạng và chế độ mới.

Tháng 9- 1945, nhân ngày khai trường năm học đầu tiên sau khi cách mạng thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho học sinh cả nước, khuyến khích các cháu học tập tốt để sau này đem tài năng phục vụ đất nước.

“Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”[\[6\]](#).

Cuộc vận động xây dựng đời sống mới, giáo dục tinh thần yêu nước, đạo đức "cần kiệm, liêm chính", chống các hủ tục lạc hậu cũng được tuyên truyền sâu rộng. Nạn trộm cắp, cờ bạc, các hủ tục trong ma chay cưới xin được xoá bỏ ở nhiều nơi, công tác thông tin ở cơ sở, phong trào văn nghệ cách mạng có tính quần chúng, nhất là ca hát được phát triển rộng rãi.

Để củng cố chính quyền cách mạng, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, Chính phủ quyết định tổ chức Tổng tuyển cử vào ngày 6-1-1946 để bầu Quốc hội, xây dựng hiến pháp và lập chính phủ chính thức.

Công tác tuyên truyền vận động bầu cử thực sự là một cuộc đấu tranh gay gắt chống lại sự phá hoại của quân đội Tưởng và bọn tay sai Việt quốc, Việt cách ở miền Bắc và bọn thực dân Pháp ở miền Nam.

Khẩu hiệu phổ biến mọi nơi là: Tất cả cử tri tới thùng phiếu, “Mỗi lá phiếu là một viên đạn diệt thù”. Ngày 5-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước “... Một

lá phiếu cũng có sức lực một viên đạn.

Ngày mai, quốc dân ta sẽ tỏ cho thế giới biết rằng dân Việt Nam ta đã:

Kiên quyết đoàn kết chặt chẽ,

Kiên quyết chống bọn thực dân,

Kiên quyết tranh quyền độc lập...”[\[7\]](#)

Cuộc tổng tuyển cử đã đạt kết quả tốt thu hút đại đa số cử tri đi bỏ phiếu bầu cho các ứng cử viên của Mặt trận Việt Minh, kể cả ở miền Nam dưới bom đạn của thực dân Pháp. Nó cũng là dịp giáo dục cho nhân dân ta về lòng yêu nước, ý thức làm chủ của công dân một nước độc lập, nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên thế giới.

Sau kết quả của các cuộc vận động xây dựng “Quỹ độc lập”, tổ chức “Tuần lễ vàng”, để xây dựng nền tiền tệ độc lập của nước ta, ngày 31-1-1946 Chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam.

Khẩu hiệu “Người Việt Nam tiêu tiền Việt Nam” hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của nhân dân nên đồng tiền mới đã nhanh chóng thay thế đồng tiền của ngân hàng Đông Dương.

Trong khi ra sức củng cố chính quyền cách mạng, ổn định tình hình, bước đầu xây dựng chế độ mới, chúng ta phải tiếp tục đấu tranh với âm mưu lật đổ của bọn Tưởng và tay sai ở miền Bắc và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở miền Nam. Công tác tuyên truyền cổ động liên tục vạch đã tâm của bọn Tưởng và hành động bán nước của bọn tay sai, đập tan những luận điệu xuyên tạc, vu cáo của chúng, vận động nhân dân biểu thị sự đoàn kết chặt chẽ chung quanh Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chống lại những hành động chia rẽ, phá hoại trật tự trị an, âm mưu gây bạo loạn của chúng. Mặt khác, lại phải giải thích cho dân hiểu rõ và đồng tình với thái độ kiên nhẫn, mềm dẻo, hoà hoãn với bọn Tưởng để tập trung mũi nhọn chống kẻ thù chính là thực dân Pháp xâm lược. Để

hoà hoãn, tháng 11- 1945 Đảng rút vào bí mật, tuyên bố “tự giải tán” nhưng vẫn giữ hệ thống tổ chức và quyền lãnh đạo. Về công khai, Đảng tổ chức ra “Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác” để tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và đường lối chính sách của Đảng. Tờ Sự thật được xuất bản ngày 5- 12- 1945 để thay thế cho tờ Cờ giải phóng dưới danh nghĩa công khai là cơ quan ngôn luận của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác Đông Dương.

Được sự thoả thuận của Mỹ, tháng 1-1946, Pháp đã mua bán với Anh, để quân đội Pháp được thay quân đội Anh ở miền Nam. Ngày 28-2-1946, Pháp và Tưởng lại ký hiệp ước Hoa - Pháp. Pháp được đưa quân vào thay quân Tưởng ở miền Bắc, đổi lại Pháp trả cho Tưởng các tô giới Pháp ở Trung Quốc và đường xe lửa Vân Nam.

Trước tình hình trên, ngày 3-3-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra “Chỉ thị Tình hình và chủ trương”. Chỉ thị phân tích âm mưu của đế quốc và tay sai, đánh giá so sánh lực lượng, cân nhắc lợi hại, quyết định hoà hoãn với Pháp để phá tan âm mưu phá hoại cách mạng của bọn Tưởng và tay sai, giành thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến toàn quốc. Chỉ thị cũng vạch ra những nguyên tắc căn bản cho việc đàm phán giữa ta và Pháp và nhấn mạnh: “Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp không những *không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu*, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta”[\[8\]](#) .

Ngày 6-3-1946, Chính phủ ta ký với Pháp hiệp định sơ bộ. Trong tình hình lúc ấy, làm cho nhân dân thông suốt việc ta đồng ý để cho quân đội Pháp vào miền Bắc là rất khó khăn. Ngày 7-3, trong cuộc mít tinh lớn ở Hà Nội gồm hàng chục vạn người, Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp nói chuyện với nhân dân, giải thích lợi ích của việc ký kết, kêu gọi nhân dân giữ bình tĩnh, đoàn kết, tôn trọng kỷ luật, đồng thời nhắc nhở đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu. Trước đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói lên lời thề xúc động mọi người: “Tôi, Hồ Chí Minh, suốt cuộc đời đã cùng đồng bào chiến đấu cho độc lập của Tổ quốc. Tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước”[\[9\]](#). Ngày 9-3- 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Hoà để tiến” giải thích rõ chủ trương hoà với Pháp lúc này:

“Chúng ta hoà với Pháp để:

1) Tránh tình thế bất lợi... 2) bảo đảm thực lực, giành lấy giây phút nghỉ ngơi và củng cố vị trí đã chiếm được, chấn chỉnh đội ngũ cách mạng, bổ sung cán bộ, bồi dưỡng và củng cố phong trào, tóm lại, để chuẩn bị đầy đủ, nhằm cơ hội tốt tiến lên giai đoạn cách mạng mới”. Chỉ thị phê phán những khuynh hướng sai lầm: khuynh hướng không muốn hoà hoãn với Pháp để sinh ra vô tổ chức, vô chính phủ, dễ bị kẻ thù khiêu khích; khuynh hướng cho rằng hiệp định được ký kết là Pháp đã 'thất bại và sẽ phải thực hiện, dân tộc ta đã tránh được mọi khó khăn~ dễ sinh mất cảnh giác, không thấy bản chất phản động của kẻ thù. Chỉ thị nhấn mạnh việc đề phòng thực dân Pháp bội ước, nhân dân ta phải tiếp tục chuẩn bị kháng chiến lâu dài, nhưng phải kín đáo, giữ thái độ bình tĩnh, nhã nhặn với binh lính Pháp, vận động kéo lính Pháp theo ảnh hưởng của ta. Phải khéo léo đối phó với bọn Tưởng chực kéo dài thời gian đóng quân ở Đông Dương và chống lại mọi hành động phản tuyên truyền, phá hoại của bọn phản động thân Tưởng và bọn Việt gian thân Pháp.

Căn cứ vào Chỉ thị “Tình hình và chủ trương” và Chỉ thị “Hoà để tiến”, đảng bộ và Mặt trận Việt Minh các địa phương tổ chức các cuộc họp để giải thích cho nhân dân về chủ trương hoà hoãn với Pháp, nội dung của hiệp định sơ bộ và những nhiệm vụ công tác trước mắt. Nhiều nơi xuất bản các tài liệu ngắn để giúp cán bộ làm công tác tuyên truyền. Qua giải thích, cán bộ và nhân dân ta nhận rõ được thắng lợi và lợi ích của việc ký kết hiệp định, đã chống lại những hoạt động chia rẽ, gây rối loạn của bọn Việt quốc, Việt cách, tích cực thực hiện các nhiệm vụ để đối phó với các hành động bội ước của bọn thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 14-3-1946, mười vạn nhân dân thủ đô họp mít tinh để tố cáo những hành động trái với hiệp định của Pháp, đòi Pháp đình chỉ những hành động xâm lược và mở ngay đàm phán chính thức ở Paris.

Tháng 4-1946, Hội nghị trù bị Việt - Pháp họp ở Đà Lạt không có kết quả vì thực dân Pháp vẫn giữ lập trường ngoan cố như muốn tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, lập lại chế

độ Toàn quyền Đông Dương...

Ngày 30-5, năm vạn nhân dân thủ đô họp mít tinh tiễn Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn ta lên đường sang Pháp dự cuộc đàm phán chính thức. Khẩu hiệu chính của cuộc mít tinh là: “Việt Nam hoàn toàn tự chủ”, “Nam Bộ là đất Việt Nam”, “ủng hộ Hồ Chí Minh”, “ủng hộ Phái đoàn”, “Gửi lời chào nhân dân Pháp”.

Trước khi lên đường, ngày 31-5, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến đồng bào Nam Bộ, khẳng định: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam.

Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi

Trong thời gian ở Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp và nói chuyện với các chính đảng, các đoàn thể chính trị ở Pháp, các tổ chức quốc tế như Tổng liên đoàn lao động thế giới, Liên đoàn thanh niên dân chủ thế giới, Liên đoàn phụ nữ thế giới, các nhà chính trị, các nhà trí thức lớn, nhà báo, nhà văn để làm cho nhân dân Pháp và thế giới hiểu rõ mục đích chiến đấu của ta, lập trường đàm phán và chính sách hợp tác bình đẳng của nước ta với nước Pháp.

Những cuộc nói chuyện ấy làm cho dư luận tiến bộ Pháp hiểu rõ hơn tình hình nước ta, hoan nghênh lập trường đàm phán đúng đắn của ta, đánh tan sự bùng bít về tình hình Việt Nam và sự xuyên tạc lập trường của ta của bọn thực dân Pháp.

Ngày 27-6-1946 và mấy ngày tiếp theo trên khắp nước ta, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã họp mít tinh, biểu tình, tổng bãi công, bất hợp tác, bãi khoá, bãi thị để phản đối thực dân Pháp đem quân lấn chiếm Tây Nguyên và lập ra cái gọi là “Chính phủ lâm thời của nước Cộng hoà Nam Kỳ”.

Trong thời gian này, thực hiện chủ trương của Đảng mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc phục vụ công cuộc kháng chiến, kiến quốc, công tác tuyên truyền vận động đã được đẩy mạnh để thu hút những người còn mặc cảm, chưa có quan hệ với Mặt trận Việt Minh, với

các đoàn thể cứu quốc, như các nhân sĩ, trí thức, công thương gia, quan lại cũ, tham gia vào các tổ chức thích hợp. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam được thành lập ngày 20-5-1946. Đảng Xã hội Việt Nam được thành lập ngày 27-7-1946 để tập hợp nhân sĩ trí thức, là thành viên của Hội Liên Việt. Cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội xuất bản tờ *Tiến lên*. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được thành lập ngày 20-7-1946 là tổ chức Công đoàn của giai cấp công nhân, các tầng lớp lao động công nghiệp và viên chức Nhà nước. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành lập ngày 20-10-1946 để tập hợp rộng rãi phụ nữ yêu nước trong các giai cấp, các tầng lớp.

Trong khi hội nghị Phôngtennoblô đang họp, bọn thực dân Pháp tiếp tục chính sách xâm lược. Chúng âm mưu dùng bọn tay sai Việt quốc, nhân ngày 14-7-1946, ngày kỷ niệm Cách mạng Pháp, nổ súng vào cuộc diễu binh của Pháp sẽ diễn ra để vu cáo ta rồi đánh chiếm thủ đô Hà Nội. Ta đã kịp thời phát hiện và đập tan âm mưu này, phá tan sào huyệt của bọn Việt quốc ở Hà Nội và các nơi khác, trừng trị bọn đầu sỏ, vạch mặt sự cấu kết của chúng với thực dân Pháp.

Do thực dân Pháp chưa từ bỏ dã tâm xâm lược nên hội nghị Phôngtennoblô tan vỡ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với chính phủ Pháp bản tạm ước 14-9-1946 quy định một số điều quan hệ tạm thời về văn hóa và kinh tế giữa hai nước, đình chỉ chiến sự ở miền Nam và tiếp tục cuộc đàm phán Việt- Pháp vào tháng 1-1947.

Để giải thích rõ tình hình và nhiệm vụ trước mắt sau khi hội nghị Phôngtennoblô bị tan vỡ, đồng chí Trường Chinh viết bài đăng trên báo Sự thật số 54 ra ngày 20-9-1946 “Tại sao cuộc đàm phán Việt - Pháp ở Phôngtennoblô bị bỏ dở”. Sau khi nêu rõ nguyên nhân thất bại của hội nghị, bài báo phân tích triển vọng của cuộc bang giao Việt - Pháp và chỉ ra những công việc trước mắt. Về mặt tuyên truyền, bài báo chỉ rõ “Trước hết phải giải thích rõ nguyên nhân thất bại của Hội nghị Phôngtennoblô để bóc trần âm mưu gian dối của phản động thực dân Pháp trước dư luận và kêu gọi nhân dân chống lại chúng, đập phá mọi thái độ hoài nghi; củng cố lòng tin của nhân dân đối với Hồ Chủ tịch và phái đoàn chính phủ. Đập phá quan niệm của bọn dao động, bi quan hay cơ hội, khiêu khích, cho

rằng chính sách ngoại giao của Hồ Chủ tịch và của chính phủ không đúng, Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 là sai, v.v... Phải làm cho nhân dân nhận rõ và nhớ rằng: Chính sách ngoại giao thắng hay bại phần lớn ở ta, ở sự đoàn kết phấn đấu của ta, chứ không phải ở “lòng tốt” hay ở “sự thành thật” của thực dân Pháp. Hồ hào nhân dân đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi trong Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam, khép chặt hàng ngũ chung quanh Chính phủ và Hồ Chủ tịch, sẵn sàng đối phó với bất cứ một sự bất trắc nào”^[11]. Đối với Nam Bộ, Hiệp định sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9 có ý nghĩa chính trị và tinh thần lớn. Dựa vào pháp lý của hiệp định và nhân lúc thực dân Pháp phải điều một phần quan trọng lực lượng quân sự ra miền Bắc, đảng bộ Nam Bộ đã đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phát động nhân dân phá tề, trừ gian, chống địch càn quét, khủng bố, vi phạm hiệp định, vi phạm ngừng bắn. Khắp nơi nhân dân vùng dậy với khí thế mạnh mẽ phát triển chiến tranh du kích, nhiều vùng giải phóng và căn cứ du kích được mở rộng.

Ở Sài Gòn, dựa vào nội dung Hiệp định 6-3, Thành uỷ vận động giới trí thức gồm hơn 400 người ký vào bản tuyên ngôn lấy tên là “Tuyên ngôn của trí thức Sài Gòn- Chợ Lớn”, đòi tự do, độc lập cho đất nước Việt Nam thống nhất, đòi thương lượng với Chính phủ Hồ Chí Minh. Các đồng chí lãnh đạo đã có quan hệ với “Nhóm văn hóa Mác xít” do những người Pháp dân chủ phản đối chiến tranh lập ra, trong nhóm có các đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, đảng viên Đảng Xã hội, nhiều trí thức các ngành, cả sĩ quan quân đội Pháp. Nhóm này tuyên bố rõ lập trường của mình trên báo Paris - Sài Gòn yêu cầu trao trả độc lập tự do hoàn toàn cho Việt Nam, đó là cơ may duy nhất của nước Pháp, gây chiến tranh Pháp không thể chiến thắng được Việt Minh mà lại mất những người đáng lẽ là bạn của dân tộc Pháp. Theo gợi ý của ta, nhóm xuất bản tờ báo tiếng Pháp *Những ngày mai* (Lendemains) để đấu tranh chống âm mưu xâm lược của bọn thực dân.

Ngày số 1 ra ngày 20- 10-1946, tờ báo này đã vạch trần âm mưu của Pháp chia cắt Nam Kỳ ra khỏi Việt Nam, lập nước “Nam Kỳ tự do” do Nguyễn Văn Thinh làm Thủ tướng. Bài báo mang đầu đề lớn: “Bác sĩ Thinh cút đi”.

Cùng với việc chuẩn bị cho báo *Những ngày mai* xuất bản, ta còn vận động các nhà báo

yêu nước ở Sài Gòn lập một mặt trận thống nhất hành động lấy tên là Báo chí thống nhất. Mặt trận này quy tụ được 8 tờ báo tiếng Việt và tiếng Pháp đang xuất bản: *Kiến thiết, Tân Việt, Việt bút, Tin điện, Nam Kỳ, Justice (Công lý), Sud (miền Nam), Lendemains (Những ngày mai)*.

Sau khi có Tạm ước 14-9, Báo chí thống nhất công khai kêu gọi thi hành Tạm ước, đòi thả tù chính trị, phổ biến một số thơ ca và tài liệu kháng chiến. Ngày 20- 10- 1946 Báo chí thống nhất đăng ba bức điện văn gửi đến Chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hoà, Chính phủ Pháp và Quốc hội Pháp, tỏ thái độ ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh, yêu cầu Chính phủ Pháp tôn trọng thoả hiệp đã ký và thi hành nghiêm chỉnh lệnh ngừng bắn để lập lại hoà bình. Những tờ báo nói trên được nhân dân hoan nghênh và tìm đọc, các tờ báo tiếng Việt được phát hành với số lượng lớn ở Sài Gòn và cả một số thị xã khác ở Nam Bộ.

Trò hề chính phủ bù nhìn “Nam Kỳ quốc” bị nhân dân phản đối. Cuối cùng, thấy mình bị thực dân Pháp lừa, nhục nhã, Nguyễn Văn Thinh tự tử (tháng 11- 1946).

Trên mặt trận văn hóa, Đảng ta đoàn kết chặt chẽ các văn nghệ sĩ, các nhà văn hoá yêu nước trong Hội Văn hóa cứu quốc, khuyến khích sự sáng tạo phục vụ sản xuất và chiến đấu. Nhiều nhà văn đã đi theo các đoàn quân Nam tiến để sáng tác phục vụ cách mạng và kháng chiến.

Ngày 24- 1- 1946, Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất họp ở Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc diễn văn khai mạc chỉ rõ: Văn hóa phải hướng dẫn quốc dân thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ.

Cuối năm 1946, thực dân phản động Pháp đẩy mạnh những hành động lấn chiếm, liên tiếp tiến công ở Nam Bộ và Trung Bộ, gây ra các vụ khiêu khích ở miền Bắc.

Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng ngày 19- 10-1946 nhận định: “Nhất định không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”.

Đầu tháng 11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết văn kiện “Công việc khẩn cấp bây giờ” nêu ra những phương hướng và nhiệm vụ chủ yếu của kháng chiến, vạch rõ ta sẽ kháng chiến lâu dài, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, cuộc kháng chiến sẽ rất gay go, gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi.

Ngày 20- 11- 1946, thực dân Pháp đánh chiếm thành phố Hải Phòng và thị xã Lạng Sơn, đồng thời đổ bộ hàng ngàn quân lên Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược trên toàn lãnh thổ nước ta.

Ngày 4- 12- 1946, đồng chí Trường - Chinh viết bài “Đánh và sẵn sàng đánh” đăng trên tờ Sự thật số 64. Bài báo nhận định: quân Pháp đã xâm phạm vào lãnh thổ của ta ở khắp Trung - Nam - Bắc. Chúng đã xâm phạm Hiệp định sơ bộ ngày 6-3- 1946 và Tạm ước 14-9- 1946. Cuộc kháng chiến của dân ta đã có ở ba kỳ. Bất cứ lúc nào, nó cũng có thể lan tới toàn quốc, và biến thành toàn diện. Thực dân Pháp hăm dọa ta, định bắt ta hàng phục, nhưng chúng lầm. Dân ta nín nhịn đã nhiều rồi. Giờ đây toàn dân đã sẵn sàng tử chiến, phá tan mưu mô xâm lược bất cứ lúc nào và ở đâu...

Ngày 17 và 18- 12- 1946, quân đội Pháp gây khiêu khích, tàn sát dân ta ở hai phố Yên Ninh, Hàng Bún, Hà Nội. Chúng gửi tối hậu thư cho Chính phủ ta đòi tước vũ khí của tự vệ, đòi ta phải đình chỉ mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến, đòi chiếm sở công an và giữ trị an ở thủ đô. Thực tế, thực dân Pháp đã xé bỏ các hiệp định, Đảng và Chính phủ quyết định phát động cuộc kháng chiến cả nước để bảo vệ Tổ quốc.

2. ĐỘNG VIÊN TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN, TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Ngày 19- 12- 1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương phát động cuộc kháng chiến trong cả nước và nêu ra những phương hướng cơ bản của cuộc kháng chiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “...Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không ! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già người trẻ không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”[\[12\]](#)

Ngày 21- 12- 1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh lại ra lời kêu gọi nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các nước đồng minh, vạch trần dã tâm xâm lược của thực dân Pháp và hành động bội ước của chúng, nói rõ mục đích cuộc chiến đấu chính nghĩa của ta.

Ngày 22- 12- 1946, Trung ương Đảng ra chỉ thị toàn dân kháng chiến. Chỉ thị vạch rõ mục đích của kháng chiến là giành độc lập và thống nhất Tổ quốc. Phương châm cơ bản của cuộc kháng chiến là toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh. Cuộc kháng chiến sẽ trải qua ba giai đoạn: phòng ngự, cầm cự và tổng phản công.

Những khẩu hiệu tuyên truyền chung là:

- Toàn dân đoàn kết, kháng chiến lâu dài,

- Liên hiệp dân Pháp, đánh thực dân Pháp,

- Bảo toàn lãnh thổ, giữ vững chủ quyền!

- Đánh đổ chính quyền bù nhìn, củng cố Cộng hoà dân chủ! Việt Nam nhất định độc lập!
Trung Nam Bắc nhất định thống nhất!

Đường lối kháng chiến của Đảng được đồng chí Trường Chinh giải thích và phát triển trong các bài đăng trên báo Sự thật từ tháng 3 đến tháng 8- 1947 và in thành sách tháng 9- 1947 lấy tên là “Kháng chiến nhất định thắng lợi”. Trong tác phẩm này, đồng chí Trường Chinh đã chỉ rõ mục đích cuộc kháng chiến là giành độc lập và thống nhất cho đất nước. Nó tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân cho nên nhiệm vụ chống phong kiến, thực hiện dân chủ và chính sách ruộng đất vẫn phải đi liền với nhiệm vụ

chống đế quốc, nhưng vì nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nóng bỏng và cấp bách nhất cho nên yêu cầu dân chủ không thể đặt ngang hàng với yêu cầu độc lập dân tộc, chính sách ruộng đất phải được thực hiện từng bước để phân hóa hàng ngũ phong kiến và cô lập thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc kháng chiến này, nhân dân Việt Nam vừa đấu tranh để tự cứu mình, vừa đấu tranh cho hoà bình thế giới. “Cho nên cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam là một cuộc chiến tranh tiến bộ, vì tự do, độc lập, dân chủ và hoà bình”. Tác phẩm phân tích một cách khoa học những chỗ mạnh và chỗ yếu của ta so với những chỗ mạnh và chỗ yếu của địch, chỗ mạnh của ta đều là gốc, chỗ mạnh của địch đều là ngọn”. Do đó, ta càng đánh càng mạnh, địch càng đánh càng yếu. Ta từ chỗ yếu hơn địch sẽ tiến tới cân sức và mạnh hơn địch. Vì vậy phải đánh lâu dài. Muốn đánh lâu dài phải tự lực cánh sinh, tự ta giúp ta rồi người mới giúp ta. Cho nên phương châm chiến lược là kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh. Sau khi phân tích cuộc kháng chiến lâu dài phải qua ba giai đoạn, tác phẩm giải thích rõ đường lối kháng chiến về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá.

Tác phẩm chỉ rõ: mọi hoạt động văn hóa lúc này phải nhằm vào khẩu hiệu “Yêu nước và căm thù giặc”. Nhiệm vụ của mặt trận văn hóa kháng chiến là bằng mọi hình thức động viên toàn dân tham gia chiến đấu, “làm cho nhân dân hiểu vì sao phải đánh, đánh để làm gì, làm thế nào để thắng, đánh nhất định khổ, nhưng nhất định thắng lợi”.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng và tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của đồng chí Trường Chinh là đường lối, hướng dẫn, động viên và tổ chức nhân dân ta đấu tranh trong cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược Pháp.

Những quan điểm về chiến tranh cách mạng trong các văn kiện ấy đã góp phần xây dựng lý luận về chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Đáp lại lời kêu gọi cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đứng lên chiến đấu với tinh thần bất khuất. Quân và dân thủ đô Hà Nội và các thành phố, thị xã

Hải Phòng, Huế, Nam Định, Đà Nẵng, Vinh đã tiêu diệt và tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, bảo vệ an toàn cho các cơ quan và nhân dân rút ra khỏi đô thị, vận chuyển một khối lượng lớn máy móc, vật tư ra vùng tự do để xây dựng hậu phương. Ở miền Nam, quân ta cũng mở nhiều trận đột kích vào Sài Gòn- Chợ Lớn, sân bay Tân Sơn Nhất, phát triển chiến tranh du kích ở đồng bằng sông Cửu Long, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Ở những vùng có chiến sự, nhân dân ta đã phá hoại đường sá, cầu cống, nhà cửa, triệt để thực hiện chính sách “vườn không nhà trống”. Hàng triệu người đã hy sinh nhà cửa, tài sản, không chịu hợp tác với giặc, tản cư ra khỏi vùng địch chiếm theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Tản cư cũng là kháng chiến”. Nhân dân vùng tự do sẵn sàng đón tiếp, giúp đỡ đồng bào tản cư nơi ăn, chốn ở, việc làm. Trong những ngày đầu kháng chiến, công tác thông tin tuyên truyền đã được triển khai mạnh mẽ. Mạng lưới báo chí ở Trung ương đã khắc phục nhiều khó khăn để phục vụ kháng chiến. Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam. Đài Tiếng nói Nam Bộ, hệ thống các báo của Đảng, đoàn thể, quân đội ở Trung ương vẫn bảo đảm được hoạt động trong khi di chuyển; các khu và thành phố cũng ra báo, các tỉnh đều có bản tin. Những khẩu hiệu phổ biến được viết lên ở khắp nơi là: “Toàn dân đoàn kết, kháng chiến lâu dài”, “Mỗi phố là một mặt trận”, “Mỗi làng là một pháo đài”, “Cướp súng giặc bắn giặc”, “Mỗi viên đạn là một quân thù”, “Không đi lính cho Pháp”, “Không bán lương thực cho Pháp”, “Đánh giặc, trừ gian”, “Giữ bí mật quân sự là yêu nước”. Nhiều làng, xã, thị trấn có các bảng thông tin, chòi phát thanh để kịp thời phổ biến tin tức chiến đấu, sản xuất. Tài liệu “Mười điều tâm niệm” do Hồ Chủ tịch viết theo hình thức hỏi và trả lời để giải thích về đường lối kháng chiến đã được phổ biến rộng rãi trong các đoàn thể cứu quốc và Hội Liên Việt.

Từ ngày 03 đến 06-4-1947, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ Trung ương để rút kinh nghiệm những tháng đầu kháng chiến và cụ thể hoá thêm đường lối kháng chiến trong tình hình trước mắt. Hội nghị nhận định: “Đời sống nhân dân khó khăn, nhưng ai nấy đều hăng hái tham gia ủng hộ kháng chiến, tinh thần vẫn vững và một lòng ủng hộ Chính phủ”.

Hội nghị nhấn mạnh vấn đề củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, mở rộng hơn nữa Hội Liên Việt, đẩy mạnh vận động nhân dân tham gia kháng chiến chống âm mưu chia rẽ dân tộc, tôn giáo, khắc phục khuynh hướng hẹp hòi, đề phòng hữu khuynh...

Về công tác tuyên truyền cổ động, cần “Gây một phong trào sôi nổi tham gia kháng chiến về mọi mặt làm cho ai nấy sẵn sàng hy sinh tất cả để “cứu nước, cứu nòi...”. Hội nghị đã đề ra các biện pháp để nâng cao hiệu quả của các lực lượng và hình thức tuyên truyền cổ động, nâng cao chất lượng báo *Cứu Quốc*, báo *Sự thật* và Đài Phát thanh Trung ương. Về huấn luyện, “mặc dầu bận rộn kháng chiến cũng không được ngừng việc huấn luyện vì càng kháng chiến lâu dài càng cần nhiều cán bộ mới và nâng cao trình độ cán bộ cũ”. Các đảng bộ cần khuyến khích việc học tập trong Đảng; sửa chữa các khuyết điểm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bức thư ngày 01-3- 1947.

Thực hiện nghị quyết của Hội nghị, về mặt tư tưởng, Đảng đã mở cuộc vận động học tập và phê bình, tự phê bình theo thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi các đồng chí Bắc Bộ và Trung Bộ. Trong bức thư trên Người đã biểu dương những ưu điểm của cán bộ, đảng viên như: nhẫn nại, chịu khó, tháo vát nhiều sáng kiến, căn dặn cần phải đem căn bản tốt đó để kiên quyết khắc phục các khuyết điểm. Các khuyết điểm đó là: địa phương chủ nghĩa, óc bè phái, quân phiệt, quan liêu, hẹp hòi, ham chuộng hình thức, vô kỷ luật, ích kỷ, hủ hoá. Bức thư đã phân tích các khuyết điểm, chỉ ra tác hại cụ thể của nó, động viên mọi người kiểm điểm lại mình để sửa chữa.

Cuộc vận động đã thu được kết quả tốt, giúp cho cán bộ, đảng viên nâng cao đạo đức cách mạng, tăng cường sự đoàn kết nhất trí và cải thiện mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng ở nhiều đảng bộ. Tháng 6- 1947, Hội nghị Bộ Chính trị quyết định mở Trường Đảng đào tạo huấn luyện viên chính trị, ra nội san của Trung ương và giao trách nhiệm cho các đồng chí phụ trách các ngành, các địa phương viết bài cho báo *Sự thật*. Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị tờ *Sinh hoạt nội bộ*: tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng được xuất bản tháng 8- 1947. Để đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng các đảng bộ cơ sở, các Ban Tuyên huấn Khu ủy, Tỉnh ủy đã giúp cấp ủy tăng cường chỉ đạo

việc mở lớp huấn luyện ngắn ngày cho đảng viên mới, bồi dưỡng đào tạo cán bộ cơ sở và cán bộ huyện. Các lớp đào tạo huấn luyện viên chính trị do Trung ương mở đã tăng cường cán bộ cho Ban Tuyên huấn các Tỉnh uỷ, Khu uỷ làm nhiệm vụ mở lớp và làm nòng cốt cho việc xây dựng hệ thống trường đảng sau này.

Tháng 10- 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh (với bút danh X.Y.Z) viết tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”[\[13\]](#) nhằm tiếp tục giáo dục cán bộ, đảng viên, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp kháng chiến. Đây là một văn kiện có tính lý luận và thực tiễn về quan điểm tư tưởng, đạo đức, tác phong của người cán bộ cách mạng trong điều kiện Đảng cầm quyền, cho đến nay vẫn có giá trị thực tiễn lớn.

Về công tác huấn luyện cán bộ, Người viết: Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng. Người nêu một số khuyết điểm của các cấp trong công tác huấn luyện cán bộ: không coi trọng huấn luyện nghề nghiệp; chưa tìm cách nâng cao trình độ văn hoá; dạy chính trị thì mênh mênh, không thiết thực; dạy lý luận thì lý luận và thực tế không ăn khớp với nhau, dạy theo cách học thuộc lòng. Những khuyết điểm đó Đảng nên sửa chữa ngay theo cách:

a- Huấn luyện nghề nghiệp: “làm việc gì học việc ấy”

b- Huấn luyện chính trị: "có hai thứ: thời sự và chính sách.

Cách huấn luyện thời sự là khuyên gắng và đốc thúc các cán bộ xem báo, thảo luận và giải thích những vấn đề quan trọng và định kỳ khai hội cán bộ, báo cáo thời sự...

Cách huấn luyện chính sách là đốc thúc các cán bộ nghiên cứu và thảo luận những Nghị quyết, những chương trình, những tuyên ngôn của Đảng và Chính phủ”.

c- Huấn luyện văn hoá: Với những cán bộ còn kém văn hoá, “trước hết phải dạy cho họ những thường thức lịch sử, địa dư, làm tính, khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, cách viết báo cáo, nghĩa vụ và quyền lợi người công dân”.

d- Huấn luyện lý luận: “trong bài học lý luận phải nghiên cứu công việc thực tế, kinh nghiệm thực tế”, “kinh nghiệm và thực tế phải đi cùng với nhau”.

Các cơ quan “phải lựa chọn rất cẩn thận những nhân viên phụ trách công tác huấn luyện. Những người lãnh đạo phải tham gia việc dạy. Không nên bủn xỉn về các khoản chi tiêu trong việc huấn luyện”.

Ngày 07-10- 1947, thực dân Pháp mở cuộc tấn công đại quy mô lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, phá căn cứ kháng chiến, chiếm đóng biên giới, ngăn cách cách mạng ta với cách mạng Trung Quốc, chuẩn bị thành lập chính phủ bù nhìn. Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp”. Bản chỉ thị đề ra nhiệm vụ cho quân dân cả nước là “giáng cho địch thiệt hại nặng nề để không gượng lại được sau chiến dịch mùa đông này”. Về tuyên truyền cổ động, chủ yếu lúc này là làm cho toàn dân đoàn kết chặt chẽ chung quanh Chính phủ, tích cực tham gia kháng chiến, phá kế hoạch tấn công của địch, chống những khuynh hướng bi quan, dao động, thoả hiệp cũng như những khuynh hướng sợ địch hay khinh địch, mất cảnh giác. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, quân dân ta đã giành thắng lợi to lớn, đánh bại cuộc tấn công của địch lên Việt Bắc, phát triển chiến tranh du kích, phá tề, trừ gian ở vùng sau lưng địch. Thắng lợi này có ý nghĩa chiến lược, không những tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch mà còn đập tan chiến lược đánh mau, thắng mau của địch. Nó đã làm cho nhân dân càng phấn khởi, tin tưởng vào sức chiến đấu của quân dân ta có thể đánh bại những cuộc tấn công lớn có vũ khí hiện đại của địch.

Trong lời kêu gọi ngày 19- 12-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết những thắng lợi của ta và thất bại của địch trong một năm kháng chiến toàn quốc - Người nhắc nhở đồng bào và chiến sĩ:

“... Tuy vậy, bọn thực dân phản động không cướp được, thì chúng sẽ phá, không thắng được thì chúng sẽ cắn mấy miếng cho đã nư. Chúng sẽ tấn công vùng này rồi đến vùng

khác. Lực lượng của chúng cũng như mặt trời vào lúc hoàng hôn, hồng hách lắm nhưng đã gần tắt nghỉ.

Cho nên dân và quân ta phải luôn gắng sức cẩn thận chuẩn bị đề phòng, luôn luôn tấn công địch và phá hoại địch, tuyệt đối chớ tự kiêu, chớ khinh địch, dù lực lượng của ta ngày càng thêm mạnh, như suối mới chảy, như lửa mới nhóm, chỉ có tiến, không có thoái”[\[14\]](#)

3. ĐỘNG VIÊN PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC: DIỆT GIẶC ĐÓI, DIỆT GIẶC ĐỐT, DIỆT GIẶC NGOẠI XÂM, CHỐNG CHÍNH SÁCH “DỪNG NGƯỜI VIỆT ĐÁNH NGƯỜI VIỆT, LẤY CHIẾN TRANH NUÔI CHIẾN TRANH” CỦA ĐỊCH.

Ngày 15-01-1948, sau chiến thắng Việt Bắc, Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng để nhận định tình hình và bổ sung thêm các biện pháp đẩy mạnh cuộc kháng chiến, chống lại chính sách “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, lập chính phủ bù nhìn toàn quốc của thực dân Pháp. Theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 27-3- 1948, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị phát động phong trào thi đua ái quốc trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân với mục đích: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm. Trong bài “Thơ chúc Tết” Xuân Kỷ Sửu (1949), Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi:

“Người người thi đua

Ngành ngành thi đua

Ngày ngày thi đua

Ta nhất định thắng

Địch nhất định thua”[\[15\]](#).

Công tác tuyên truyền cổ động trong thời gian này tập trung nêu cao ý nghĩa chiến thắng Việt Bắc, phổ biến lời kêu gọi ngày 19- 12 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chống tư tưởng chủ quan, khinh địch, vạch âm mưu lập chính quyền bù nhìn Bảo Đại của thực dân pháp, cổ vũ cho phong trào thi đua yêu nước trên mọi lĩnh vực kháng chiến kiến quốc.

Tháng 7- 1948, nhân Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ hai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư chúc mừng các đại biểu. Trong thư, Người viết: "Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hoá gánh một phần rất quan trọng... Chúng ta cần phải xây đắp một nền văn hoá kháng chiến kiến quốc của toàn dân. Muốn đi đến kết quả đó, tôi thiết tưởng, các nhà văn hoá ta cần tổ chức chặt chẽ và đi sâu vào quần chúng.

... Các nhà văn hoá ta phải có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bây giờ, mà còn để lưu truyền cái lịch sử oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho hậu thế"[\[16\]](#)

Trong hội nghị này, đồng chí Trường Chinh đọc bản báo cáo "*Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam*" nêu rõ lập trường văn hoá mácxít, tính chất và nhiệm vụ văn hoá dân tộc, dân chủ, phê phán và đấu tranh chống những khuynh hướng và quan điểm văn hoá thực dân, phong kiến, tư sản phản động. Bản báo cáo cũng xác định thái độ của những người làm công tác văn hoá là tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với kháng chiến, không trung lập, bàng quan, không thoả hiệp với tư tưởng và văn hoá phản động; đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp lý luận và thực tiễn, có quan điểm quần chúng đúng đắn.

Đây là một công trình lý luận văn hóa mácxít có giá trị lớn, nội dung chính xác, phong phú, lời văn chặt chẽ, sinh động đầy tính chiến đấu. Đồng chí Trường Chinh lý giải nhiều vấn đề lý luận văn hóa quan trọng trong đó có vấn đề mối quan hệ giữa nghệ thuật và tuyên truyền là một vấn đề thời sự đang có tranh luận trong giới văn nghệ sĩ. Đồng chí phê phán lập luận của một số người: cho rằng con người của họ... "chia làm hai, con người công dân có khuynh hướng rõ rệt và con người nghệ sĩ tuyệt đối tự do". Đồng chí chỉ rõ văn hóa không thể trung lập, đứng trên chính trị.

Cuối tháng 7, Đại hội văn nghệ toàn quốc quyết định thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam nhằm tập hợp các lực lượng văn nghệ sĩ yêu nước góp phần vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Trực thuộc Hội Văn nghệ Việt Nam còn có Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Đoàn Sân khấu Việt Nam, các chi hội văn nghệ khu III, khu IV, khu V, Nam Trung Bộ, Nam Bộ...

Tháng 3- 1948, Hội văn nghệ Việt Nam xuất bản Tạp chí Văn nghệ, tháng 6- 1949 Phòng văn nghệ quân đội cũng xuất bản *Tạp chí văn nghệ quân đội*.

Tháng 02- 1949, Hội nghị cán bộ văn hoá lần thứ nhất quyết định thành lập Ban Văn hoá Trung ương của Đảng do đồng chí Trần Huy Liệu làm Trưởng ban. Hội Văn hoá Việt Nam cũng được thành lập, tập hợp các nhà hoạt động văn học, nghệ thuật, khoa học, giáo dục thành một Mặt trận văn hoá kháng chiến thống nhất.

Báo chí ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc; song đội ngũ cán bộ làm báo còn quá ít. Tháng 5- 1949 Ban Bí thư chủ trương mở lớp học viết báo đầu tiên, với danh nghĩa Tổng bộ Việt Minh mở, lớp học viết báo Huỳnh Thúc Kháng. Không có điều kiện đến thăm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến lớp. Trong thư, Người thân mật góp ý kiến với “các bạn viết báo” về nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích của báo chí ta và cần dặn muốn viết báo tốt thì cần:

- 1- “Gần gũi dân chúng, cứ ngồi trong phòng giấy mà viết thì không thể viết thiết thực.
- 2- Ít nhất cũng phải biết một thứ tiếng nước ngoài, để xem báo nước ngoài, và học kinh nghiệm của người.
- 3- Khi viết xong một bài tự mình phải xem lại ba bốn lần, sửa chữa lại cẩn thận. Tốt hơn nữa, là đưa nhờ một vài người ít văn hoá xem và hỏi họ những câu nào, chữ nào không hiểu thì sửa lại cho dễ hiểu.
- 4- Luôn luôn cố gắng học hỏi, luôn luôn cầu tiến bộ”[\[17\]](#)

Sau khi được phát động, phong trào thi đua yêu nước đã có tác dụng động viên to lớn,

phát huy tính tích cực và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta trên mọi mặt trận kháng chiến, kiến quốc, cả ở vùng tự do và vùng du kích, vùng địch tạm chiếm. Các phong trào tòng quân của thanh niên, quyên góp lặt 'lũ gạo nuôi quân', đỡ đầu bộ đội, du kích diễn ra sôi nổi. Việc tăng gia sản xuất để tự cấp, tự túc đã khắc phục được nhiều khó khăn để bảo đảm các nhu cầu tối thiểu của kháng chiến và đời sống nhân dân. Phong trào xoá nạn mù chữ, bỏ tục văn hoá, thực hiện đời sống mới, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân cũng đạt nhiều kết quả. Các hủ tục, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan được giảm hẳn. Trong thời gian này chúng ta cũng đã đấu tranh thắng lợi với những khuynh hướng tư tưởng không đúng trong Mặt trận thống nhất như đòi quyền tự do dân chủ tư sản trong ngành tư pháp, tư tưởng phục Mỹ, sợ Mỹ can thiệp vào Đông Dương. Để chống lại chính sách “dùng người Việt đánh người Việt”, thực hiện chủ trương “biên hậu phương của địch thành tiền phương của ta”, khi địch mở rộng vùng chiếm đóng ra đồng bằng Bắc Bộ, các đảng bộ địa phương đã đưa hàng loạt cán bộ vào vùng địch tạm chiếm, tổ chức các đại đội độc lập, các đội vũ trang tuyên truyền để phát động quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị, diệt tề, trừ gian, phát triển chiến tranh du kích, xây dựng các vùng căn cứ sau lưng địch. ở các đô thị bị địch tạm chiếm, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân cũng bùng lên mạnh mẽ chống việc thành lập chính phủ bù nhìn kết hợp với các cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang vào các căn cứ, kho tàng của địch. ở Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng nổ ra nhiều cuộc bãi công của công nhân, bãi khoá của học sinh, bãi thị của tiểu thương. Tháng 4- 1949, các nhân sĩ trí thức ở Sài Gòn đã ra bản tuyên ngôn “chống giải pháp Bảo Đại” có 900 chữ ký. Hơn 3.000 tờ báo “Tổ quốc trên hết” của Thành hội Liên Việt thành phố được phát hành cùng với truyền đơn rải trắng đường phố, khẩu hiệu viết trên các tường nhà phản đối việc thành lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại.

Để đáp ứng yêu cầu đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, năm 1949 Xứ ủy Nam Bộ quyết định thành lập trường Đảng miền Nam mang tên “Trường Trường Chinh”. Nhiệm vụ của Trường là trang bị những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng... cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt của khu ủy, tỉnh ủy, quân đội, đoàn thể. Từ 1949 đến 1954 Trường đảng miền Nam đã mở lớp đào tạo bồi dưỡng gần 2000 cán bộ

lãnh đạo chủ chốt các cấp, trong đó nhiều đồng chí được tăng cường cho hệ thống Tuyên huấn và Trường đảng”[18].

Công tác vận động quần chúng có ý nghĩa rất quan trọng đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến kiến quốc. Ngày 15- 10-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài “Dân vận” đăng trên báo Sự thật. Bài báo tuy ngắn gọn nhưng nội dung rất súc tích. Người phát triển những quan điểm về quan hệ giữa Đảng với nhân dân đã trình bày trong cuốn “Sửa đổi lối làm việc”, nêu ra một cách sáng tỏ những quan điểm của Đảng ta về công tác dân vận. Điểm xuất phát của công tác dân vận là ở chỗ: nước ta là một nước dân chủ do Đảng lãnh đạo “mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”, “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”, “bao nhiêu quyền hạn đều của dân”, “công việc đổi mới, xây dựng, kháng chiến kiến quốc là trách nhiệm của dân”, “chính quyền, đoàn thể các cấp đều do dân tổ chức nên”. Người định nghĩa một cách đầy đủ về công tác dân vận “dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi người dân không để sót một người nào, góp thành lực lượng của toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và đoàn thể đã giao cho”. Tất cả mọi lực lượng trong hệ thống chính trị đều phải làm công tác dân vận, làm cho dân biết, dân hiểu, học hỏi nhân dân, tổ chức, động viên nhân dân thực hiện, miệng nói tay làm.

Trong lúc cuộc kháng chiến của ta tiến triển thuận lợi thì cách mạng Trung Quốc giành được thắng lợi to lớn.

Ngày 01- 10- 1949, nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa ra đời. Đầu năm 1950, Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu thiết lập quan hệ ngoại giao với ta. Nước ta bắt đầu nhận được sự viện trợ về vật chất của phe xã hội chủ nghĩa và trực tiếp liên hệ được với thế giới bên ngoài. Trước thất bại của Pháp, Mỹ tăng cường can thiệp vào chiến tranh Đông Dương, thúc ép Pháp “trao trả độc lập” cho bù nhìn Bảo Đại, và đưa đoàn cố vấn quân sự Mỹ sang Việt Nam. Ngày 18-10- 1950, Trung ương Đảng ra chỉ thị về tuyên truyền thắng lợi ngoại giao của ta, đồng thời ngăn ngừa tâm lý chủ quan, ỷ lại; vạch âm mưu của Mỹ can thiệp vào chiến tranh Đông Dương.

Ngày 27-01- 1950, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị toàn quốc lần thứ ba, chủ trương tích cực đẩy mạnh cuộc kháng chiến lên một bước mới “hoàn thành nhiệm vụ chuyển sang tổng phản công”. Thực hiện nghị quyết của Hội nghị, công tác tuyên truyền cổ động đã được triển khai mạnh mẽ, cổ vũ cho việc tổng động viên nhân tài, vật lực cho kháng chiến theo khẩu hiệu: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”. Hàng chục vạn thanh niên nô nức xung phong tòng quân. Ở vùng tự do, nhân dân ta đã hăng hái đóng góp lương thực, tiền bạc, vật tư cho kháng chiến. Hàng vạn nhân dân cùng với các chiến sĩ công binh tham gia các chiến dịch làm đường để phục vụ các cuộc chiến đấu lớn sắp tới ở Việt Bắc.

Ở vùng địch tạm chiếm, phong trào đấu tranh của nhân dân phát triển có thời gian rất quyết liệt. Ngày 09-01-1950, hơn 3.000 học sinh, sinh viên Sài Gòn - Chợ Lớn biểu tình đòi trả tự do cho 5 học sinh bị bắt. Cuộc biểu tình bị đàn áp dã man. Hàng chục vạn học sinh và nhân dân Sài Gòn đã đi đưa tang học sinh Trần Văn Ơn bị địch bắn chết. Ngày 13-01- 1950, hầu hết học sinh, sinh viên Hà Nội bãi khoá để hưởng ứng cuộc đấu tranh của học sinh, sinh viên Sài Gòn. Từ đó, ngày 9- 1 hằng năm trở thành Ngày học sinh, sinh viên Việt Nam đấu tranh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, chống đế quốc xâm lược.

Ngày 19-3- 1950, khi Mỹ đưa hai tàu chiến đến Sài Gòn, hàng chục vạn nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn rầm rộ xuống đường biểu tình bất chấp sự đàn áp của địch, giương cao cờ đỏ sao vàng, hô vang khẩu hiệu “Đả đảo đế quốc Mỹ”, “Đế quốc Mỹ cút đi”. Kết quả là Mỹ phải rút hai tàu chiến ngay đêm ấy, bãi bỏ cuộc biểu dương lực lượng của chúng. Ngày 19-3-1950 về vang trở thành Ngày toàn quốc chống Mỹ của nhân dân ta.

Trước tình hình thuận lợi trong nước và ngoài nước, trong nội bộ Đảng đã có tư tưởng chủ quan, nóng vội dẫn đến một số lệch lạc như: có nơi động viên nhân tài, vật lực quá mức ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống nhân dân, tập trung bộ đội chủ lực quá sớm làm yếu phong trào du kích, đấu tranh trong các thành phố bị tạm chiếm không chú ý đầy đủ đến việc bảo vệ cơ sở. Mùa hè năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào, cán bộ Liên khu 4 phê bình sai lầm trong việc thực hiện chính sách động viên. Đồng

chí Trường Chinh viết bài “Nhận định đúng, hành động đúng” và một số bài khác đăng trên Tạp chí Cộng sản phê phán tư tưởng nóng vội, chủ quan như muốn tổng phản công ngay khi quân giải phóng Trung Quốc tiến đến biên giới nước ta, phê phán tư tưởng bi quan khi ta gặp những khó khăn mới hoặc khi địch có những cố gắng mới, nêu ra những phương châm hành động đúng đắn về tổng động viên, về xây dựng lực lượng vũ trang và về công tác vùng sau lưng địch.

Trung ương Đảng ra chỉ thị cho đảng bộ Liên khu 4 và các Liên khu khác căn cứ vào thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh để tự kiểm điểm và tự phê bình trước quần chúng. Nhờ đó những lệch lạc đã được uốn nắn, sửa chữa bước đầu, ý thức kháng chiến lâu dài, tự lực cánh sinh được quán triệt hơn.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nâng cao chất lượng huấn luyện, tháng 5-1950 Ban Bí thư triệu tập Hội nghị huấn luyện toàn quốc lần thứ nhất. Đến thăm và nói chuyện với hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh ba vấn đề lớn: Phải thiết thực, chu đáo trong công việc huấn luyện; phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học; khuyết điểm cần sửa chữa ngay trong việc huấn luyện. Người nói, lớp huấn luyện mở không ít nhưng các địa phương và các ngành vẫn kêu thiếu cán bộ, “vì việc huấn luyện còn hữu danh vô thực, làm chỉ cốt nhiều mà không thiết thực”. Để việc huấn luyện được thiết thực, chu đáo thì người huấn luyện của đoàn thể phải làm kiêu mẫu về mọi mặt: tư tưởng, đạo đức, lối làm việc, và phải học thêm mãi. Học lý luận là để áp dụng vào việc làm, hiểu lý luận mà không thực hành là lý luận suông. Ngoài lý luận phải dạy công tác, dạy văn hoá, dạy chuyên môn cho cán bộ. Người nêu ra 6 điểm về cách huấn luyện cần chú ý: Cốt thiết thực, chu đáo, hơn tham nhiều; huấn luyện từ dưới lên trên; gắn liền lý luận với công tác thực tế, phải nhằm đúng nhu cầu; chú trọng việc cải tạo tư tưởng; lấy những tài liệu về chủ nghĩa Mác - Lênin làm gốc, đồng thời phải học những nghị quyết, chỉ thị, luật, lệnh của đoàn thể và Chính phủ, tổ chức trao đổi kinh nghiệm qua thực tế công tác của học viên. Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải tự động học tập. Học để sửa chữa tư tưởng, tu dưỡng đạo đức cách mạng, nâng cao tin tưởng, học để

hành. Người yêu cầu sửa chữa ngay khuyết điểm: lớp quá đông, chương trình không tốt; mở lớp lung tung, thiếu người giảng, chỉ tốn gạo mà học thì tấp nham. Phải hợp lý hoá, nghĩa là: mở lớp nào cho ra lớp ấy, lựa chọn người dạy và người đến học cho cẩn thận.

Bài nói của Bác rất thiết thực, cụ thể, chỉ đạo các cấp, các ngành quán triệt phương châm coi trọng chất lượng trong công tác huấn luyện và nâng cao ý thức tự giác học tập của cán bộ, đảng viên.

Ngày 14-9- 1950, Trung ương có quyết định thành lập Ban Tuyên truyền và Ban Giáo dục Trung ương. Ban Tuyên truyền do đồng chí Trường Chinh phụ trách và đồng chí Tố Hữu làm Trưởng ban, Ban Giáo dục do đồng chí Hà Huy Giáp làm Trưởng ban.

Tháng 6- 1950, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng biên giới phía Bắc, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp chỉ đạo chiến dịch, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi sát mặt trận, gửi thư cho các chiến sĩ căn dặn phải dũng cảm, kiên quyết chiến đấu tiêu diệt địch “chỉ cho đánh thắng, không cho đánh bại”. Người ra trận địa, đi thăm bộ đội, dân công, thể hiện ý chí quyết thắng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, đã gây xúc động và cổ vũ mạnh mẽ cán bộ, chiến sĩ.

Chiến dịch Biên giới đã giành thắng lợi to lớn, có ý nghĩa chiến lược, làm thay đổi cục diện chiến tranh giữa ta với Pháp, từ đó quân ta liên tiếp giành quyền chủ động tiến công đẩy lùi địch vào thế bị động đối phó.

Lòng tin của nhân dân ta vào thắng lợi cuối cùng được củng cố và nâng cao. Tuy nhiên trong một số người lại nảy sinh tư tưởng chủ quan, nóng vội cho là có thể đánh nhanh, thắng nhanh.

Trong cán bộ lúc này có một số biểu hiện tư tưởng sai lầm quan liêu, ham cấp bậc, địa vị; Chủ tịch Hồ Chí Minh viết hai bài báo đăng trên báo Sự thật “Phải chữa cái bệnh cấp bậc” (ngày 15-7- 1950) “Phải tẩy sạch bệnh quan liêu” (ngày 2-9- 1950) nhắc nhở cán bộ

gột sạch óc quan liêu, ngôi thứ quan cách mạng"[19], chỉ ra những biểu hiện, nguyên nhân và cách sửa chữa. Người viết: “Nếu không lo chữa, thì bệnh quan liêu sẽ đưa bệnh nhân đến chỗ hoàn toàn bị đào thải.

Thang thuốc chữa bệnh quan liêu:

- Phải đặt lợi ích dân chúng lên trên hết, trước hết

- Phải gần gũi dân, hiểu biết dân, học hỏi dân

Phải thật thà thực hành phê bình và tự phê bình.

- Phải làm kiểu mẫu: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”[20]

4. QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG, ĐẨY MẠNH CUỘC KHÁNG CHIẾN TỚI THẮNG LỢI QUYẾT ĐỊNH

Tình hình trong nước và thế giới đã có những chuyển biến quan trọng vào đầu năm 1950. Tình hình mới đòi hỏi Đảng ta phải họp Đại hội để hoàn chỉnh và bổ sung đường lối cách mạng, tổ chức lại Đảng cho phù hợp, đồng thời phải xác định những chính sách, biện pháp để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Đại hội lần thứ II của Đảng được tiến hành trong tháng 2- 1951.

Đồng chí Hồ Chí Minh đọc báo cáo chính trị khái quát cuộc vận động cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, tổng kết quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng ta trong 21 năm, nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này là *Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới*[21]. Để hoàn thành sự nghiệp lãnh đạo cách mạng và đưa kháng chiến đến thắng lợi, Đảng phải ra hoạt động công khai và tổ chức lại cho thích hợp với tình hình mỗi nước ở Đông Dương

Báo cáo nêu cao thắng lợi của cách mạng tháng 8- 1945: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"[\[22\]](#).

Về nhiệm vụ cách mạng trước mắt, báo cáo viết: "Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay là phải đưa kháng chiến đến thắng lợi. Các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó"[\[23\]](#).

Để đưa kháng chiến đến thắng lợi, về mặt công tác tư tưởng, báo cáo nhấn mạnh đến việc phát triển tinh thần yêu nước. " Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước. . .

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến"[\[24\]](#).

Đồng chí Trường Chinh trình bày báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam". Bản báo cáo xác định đối tượng của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến. Kẻ thù cụ thể trước mắt của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc xâm lược (thực dân Pháp, bọn can thiệp Mỹ) và bè lũ bù nhìn bán nước, đại biểu quyền lợi cho đại địa chủ phong kiến và tư sản mại bán. Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xoá bỏ chế độ phong kiến, đem lại ruộng đất cho nông dân, đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Báo

cáo cũng xác định nhiệm vụ chống phong kiến nhất định phải làm đồng thời với nhiệm vụ chống đế quốc, nhưng phải có kế hoạch làm từng bước để vừa bồi dưỡng và phát triển lực lượng cách mạng, vừa giữ vững được khối đại đoàn kết toàn dân để kháng chiến.

Về triển vọng của cách mạng Việt Nam, báo cáo kháng định: "Vì giai cấp công nhân và Đảng ta lãnh đạo cách mạng Việt Nam, cho nên cách mạng đó không thể không tiến lên chủ nghĩa xã hội. . . Từ nay đến chủ nghĩa xã hội, nước ta phải trải qua một thời gian dài. Thời gian dài đó, tùy theo sự thay đổi về nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, tùy theo những biến hóa trong hàng ngũ kẻ thù và hàng ngũ bạn đồng minh của giai cấp công nhân mà chia ra nhiều giai đoạn. . . Vì nước ta bị xâm lược, chưa thoát hẳn được ách đế quốc; lại là một nước nông nghiệp và nửa phong kiến, công nghiệp không phát triển. Muốn có độc lập, dân chủ và tiến tới xây dựng chủ nghĩa xã hội, vấn đề chủ yếu trước mắt là phải hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc và thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng"[\[25\]](#)

Báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" là một văn kiện lịch sử quan trọng. Nó đã bổ sung, hoàn chỉnh và phát triển lý luận của Đảng ta về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, một dân tộc có truyền thống kiên cường, bất khuất chống xâm lược, trong thời đại mới quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

Đồng chí Tô Hữu trình bày báo cáo bổ sung về "Xây dựng văn nghệ nhân dân Việt Nam".

Sau khi nhận xét văn nghệ Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám và những bước đầu của văn nghệ Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám, báo cáo xác định những nhiệm vụ cụ thể của việc xây dựng văn nghệ nhân dân:

- Đoàn kết rộng rãi những người công tác văn nghệ phụng sự kháng chiến kiến quốc, bảo vệ hòa bình thế giới. . . "sự đoàn kết phải đứng trên lập trường phụng sự nhân dân, phụng

sự kháng chiến, không thể đoàn kết một cách vô nguyên tắc theo đuôi những người văn nghệ lạc hậu".

- Đẩy mạnh sáng tác và biểu diễn, nâng cao giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm. Chống tư tưởng mất tự tin, tự ty muốn "thoát ly công tác văn nghệ gác bút. . . để cầm súng, cầm bừa" "không thể có triển vọng sáng tác bằng tài năng trẻ thì nên thôi sáng tác". Chống khuynh hướng "muốn làm to, cầu toàn trách bị" muốn xây dựng "tác phẩm to lớn" không thực tế, không hợp thời.

Bồi dưỡng hướng dẫn phong trào văn nghệ quần chúng, chống thái độ khinh rẻ khả năng sáng tạo nghệ thuật của quần chúng, không chú ý nâng đỡ, phát triển những tài năng mới". Chú ý đặc biệt văn nghệ miền núi, giữ gìn bản sắc của mỗi dân tộc, tránh khuynh hướng "Kinh hóa".

- Tích cực đấu tranh chống văn nghệ phản động của Pháp, Mỹ. Chống lại những nọc độc văn nghệ của địch reo rắc "tâm lý cầu an, sợ chết, thích khoái lạc", "dùng văn nghệ mà mở mang ánh sáng tự do và lửa chiến đấu vào vùng địch tạm chiếm".

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ về văn nghệ - cán bộ chính trị đặc biệt là cán bộ tuyên truyền, giáo dục phải học lý luận văn nghệ để lãnh đạo phong trào văn học nghệ thuật, bồi dưỡng trình độ chính trị, lý luận cho những người làm công tác văn nghệ.

Đại hội đã thảo luận và thông qua Chính cương, Điều lệ mới của Đảng, quyết định Đảng ra công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam, quyết định xuất bản báo Nhân Dân, cơ quan Trung ương của Đảng thay thế cho tờ Sự thật.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội II, Hội nghị lần thứ nhất (tháng 3- 1951), thứ hai (tháng 10- 1951) và thứ ba (tháng 4- 1952) (khóa II) của Trung ương Đảng đã vạch ra những chủ trương và biện pháp về đẩy mạnh cuộc đấu tranh ở vùng sau lưng địch, về xây dựng nền kinh tế, tài chính trong kháng chiến, về xây dựng lực lượng vũ trang và xây

dựng Đảng để bảo đảm các yêu cầu của cuộc kháng chiến. Mở đầu cho việc tuyên truyền quán triệt nghị quyết của Đại hội II, ngày 03-3- 1951, Ban Chấp hành Trung ương đã tổ chức lễ ra mắt của Đảng trước Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt. Sau khi đồng chí Trường Chinh báo cáo về việc thành lập Đảng, về Chính cương và chính sách Mặt trận của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh tóm tắt mục đích, nhiệm vụ, các chính sách lớn của Đảng. Người nhấn mạnh về tính chất của Đảng: "Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân.. .

Đảng Lao động Việt Nam không sợ kẻ địch nào dù cho chúng hung tợn đến mấy, không sợ nhiệm vụ nào dù nặng nề nguy hiểm đến mấy nhưng Đảng Lao động Việt Nam sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân.

Tuy vậy, Đảng Lao động Việt Nam cũng do nhiều người tổ chức lại mà thành. Mà người thì ai cũng có ít nhiều khuyết điểm. Vì vậy Đảng Lao động Việt Nam mong mỗi và hoan nghênh sự phê bình thật thà của các đảng phái và đoàn thể bạn, của các nhân sĩ và của toàn thể đồng bào để cho Đảng tiến bộ mãi. . . "[26]

Ngày 02-4- 1951, Ban Bí thư ra chỉ thị về vấn đề Đảng ra công khai. Ngày 16-4-1951, Trung ương có quyết định thành lập Ban Tuyên huấn Trung ương do đồng chí Trường Chinh làm Trưởng ban.

Thi hành nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương và chỉ thị của Ban Bí thư, các cấp đảng bộ đã tổ chức việc nghiên cứu Chính cương, Điều lệ của Đảng, nghị quyết Đại hội và dựa vào bài phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Đại hội Mặt trận để làm công tác tuyên truyền cổ động trong nhân dân. Các đảng bộ ở vùng tự do và vùng căn cứ du kích trong khắp cả nước đều tổ chức được các buổi lễ ra mắt, với đại biểu các đoàn thể, Mặt trận, chính quyền và các tầng lớp nhân dân, yêu cầu phê bình chính sách, chủ trương, phê bình cán bộ, đảng viên. Những nơi tiến hành tốt đã thu được nhiều ý kiến

đóng góp của cán bộ và nhân dân về công tác của địa phương, thiết thực giáo dục cho cán bộ, đảng viên về ý thức tiên phong gương mẫu, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, tăng thêm lòng tin tưởng của nhân dân đối với Đảng, đẩy mạnh công tác kháng chiến của địa phương.

Ngày 08-12-1951, Ban Bí thư ra chỉ thị về việc học tập và phổ biến lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong dịp kỷ niệm 5 năm toàn quốc kháng chiến.

Đợt tuyên truyền giáo dục này đã được tiến hành rộng rãi cả ở vùng tự do và vùng sau lưng địch, làm cho cán bộ và nhân dân thấm nhuần hơn ý thức kháng chiến lâu dài, nâng cao ý chí quyết chiến, quyết thắng, lòng tin vào thắng lợi cuối cùng, quyết tâm thi đua hoàn thành các nhiệm vụ chiến đấu, sản xuất, công tác, chống các khuynh hướng bi quan, dao động sợ hy sinh gian khổ, nôn nóng, ỷ lại viện trợ bên ngoài.

Nhân dịp triển lãm hội họa năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư thân ái hỏi thăm anh chị em họa sĩ và các văn nghệ sĩ nói chung. Trong thư, Người viết:

“Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận.

Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy. . .

....Chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ. . . phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh. . .

.... Chiến sĩ nghệ thuật cần có lập trường vững, tư tưởng đúng. . .

Về sáng tác, thì cần hiểu thấu, liên hệ và đi sâu vào đời sống của nhân dân. . . Muốn tiến bộ mạnh, tiến bộ mãi, thì anh chị em nghệ thuật cần phải dùng phương pháp tự phê bình và phê bình.

Chắc có người nghĩ: Cụ Hồ đưa nghệ thuật vào chính trị.

Đúng lắm. Văn hoá, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị" [27].

Từ khi cuộc kháng chiến của ta chuyển sang thời kỳ mới yêu cầu của tiền tuyến cao hơn trước, địch lại mở rộng vùng chiếm đóng ra đồng bằng, chúng ta gặp nhiều khó khăn về kinh tế tài chính. Đời sống nhân dân vùng tự do ở nhiều nơi cũng khó khăn hơn, có người đã tản cư lại chạy vào vùng tạm Chiếm. Để khắc phục những khó khăn ấy, Đảng và Chính phủ phát động cuộc vận động tăng gia sản xuất và tiết kiệm, ban hành chính sách thuế mới để huy động sự đóng góp của nhân dân được ổn định và công bằng hơn. Các địa phương đã phát triển sản xuất nông nghiệp thành một phong trào quần chúng mạnh mẽ và rộng khắp ở vùng tự do và vùng căn cứ du kích theo khẩu hiệu “ăn no, đánh thắng”, “ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ, hậu phương thi đua với tiền phương” (Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh). Không những nông dân thi đua sản xuất mà bộ đội, công nhân, viên chức đều tranh thủ trồng trọt, chăn nuôi để tự túc một phần. Công nhân thi đua sản xuất nông cụ và vũ khí, đạn dược.

Công tác tuyên truyền về thuế nông nghiệp, nguồn thu chính của Nhà nước được tiến hành sâu rộng để làm rõ nghĩa của chính sách thuế mới, tính chất công bằng của nó để vừa thu đủ thuế, vừa thực hiện đúng đường lối giai cấp trong chính sách thuế: huy động sự đóng góp nhiều hơn của địa chủ, phú nông, giảm nhẹ cho bản cố nông, khuyến khích người trực tiếp lao động. Qua công tác này, cán bộ cũng được giáo dục thêm về ý thức giai cấp, về đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn.

Từ năm 1951, thực hiện kế hoạch chiến tranh Tấtsinhi, địch tàn phá hàng trăm làng mạc, dồn dân vào vùng kiểm soát, xây dựng phòng tuyến "boong ke", lập "vành đai trắng". Chúng đẩy mạnh việc càn quét, bình định, phát triển nguy quyền, ra sức bắt lính. Công tác tuyên truyền ở vùng sau lưng địch đã vạch rõ mục đích của kế hoạch Tấtsinhi, thế yếu và bị động của nó, những chủ trương và phương châm đấu tranh trong vùng sau lưng địch, khắc phục thái độ chủ quan, mất cảnh giác, đấu tranh không đúng phương pháp để tổn thất cơ sở chính trị. Trong điều kiện đầy gian khổ khó khăn, cán bộ ta đã “bám đất,

bám dân” dùng tuyên truyền miệng là chính kết hợp với việc lập các đội vũ trang tuyên truyền đi sâu vào vùng địch kiểm soát phát động quần chúng đấu tranh. Các tỉnh đều xuất bản các bản tin, tài liệu ngắn, truyền đơn để tố cáo tội ác của địch, đưa tin chiến thắng quân sự và các cuộc đấu tranh trong vùng địch kiểm soát, phổ biến kinh nghiệm và gương đấu tranh anh dũng của nhân dân. Hà Nội, Sài Gòn đều có báo bí mật, đồng thời lợi dụng khả năng hợp pháp để vận động trí thức tiến bộ xuất bản báo công khai hoặc phân công cán bộ viết báo công khai.

Tháng 11- 1951, địch mở chiến dịch đánh chiếm Hoà Bình. Phối hợp với việc tấn công của quân chủ lực, các đảng bộ địa phương chỉ rõ thời cơ thuận lợi, phát động quần chúng nổi dậy phá vỡ hệ thống nguy quân, nguy quyền ở nhiều nơi, mở rộng khu du kích và căn cứ du kích ở đồng bằng Bắc Bộ. Trong năm 1952, chiến tranh du kích được đẩy mạnh ở vùng sau lưng địch trên toàn quốc, làm thất bại các cuộc càn quét của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, buộc chúng phải phân tán lực lượng. Phong trào chống giặc bắt lính trở thành phong trào quần chúng. Nhân dân và các gia đình có con em đi lính được tuyên truyền vận động kéo lên đồn, bắt đòi chồng con về nhà làm ăn. Hàng vạn lính nguy, dân vệ đã bỏ ngũ hoặc ra hàng.

Phong trào thi đua yêu nước sau bốn năm phát động đã đạt nhiều kết quả. Từ 30-4-1952 đến 06-5-1952, Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu đã họp tại Việt Bắc. Có những anh hùng tiêu biểu như: La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên (quân đội, dân quân du kích), Ngô Gia Khảm (công nhân), Hoàng Hanh (nông dân) , Trần Đại Nghĩa (trí thức) . Sau Đại hội, việc tuyên truyền cho các gương anh hùng, chiến sĩ thi đua, các điển hình sản xuất, chiến đấu giỏi bằng nhiều hình thức (sách, báo, phát thanh, nói chuyện, ca kịch. . .) đã cổ vũ mạnh mẽ cán bộ và nhân dân đưa phong trào thi đua yêu nước lên một bước mới. Cán bộ cũng được rèn luyện thêm về tinh thần tiên phong, gương mẫu để xứng đáng là người lãnh đạo phong trào.

Trong các năm 1951, 1952, thi hành nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ II và nghị quyết Hội nghị Trung ương 2, để tăng cường chất lượng công tác tư tưởng, các Ban

Tuyên huấn từ Trung ương tới các Liên khu và tỉnh đã được bổ sung và kiện toàn ở mức độ khác nhau. Ban Tuyên huấn Trung ương đã lập ra các Tiểu ban biên tập, Tiểu ban huấn học, Tiểu ban văn nghệ, Tiểu ban giáo dục. Theo hướng dẫn của Ban Tuyên huấn Trung ương, một số tỉnh ở vùng tự do đã bước đầu xây dựng chế độ báo cáo viên, làm thí điểm xây dựng "lưới tuyên truyền" ở cơ sở, chấn chỉnh việc giảng dạy trong các trường Đảng, quy định chế độ học tập cho cán bộ. Các Ban Tuyên huấn ở các tỉnh trong vùng sau lưng địch đã mở được nhiều lớp huấn luyện đào tạo bồi dưỡng cán bộ về công tác vùng sau lưng địch.

Về báo chí, đã có nhiều cố gắng nâng cao chất lượng, tăng số lượng phát hành. Báo Nhân dân phát hành 20.000 bản/ngày; báo Cứu quốc: 25.000 - 30.000 bản/ngày.

Cùng với báo Nhân dân ở Trung ương còn có báo Nhân dân liên khu - là cơ quan của Ban Chấp hành đảng bộ khu 5, báo Nhân dân miền Nam là cơ quan của Trung ương cục miền Nam. Cùng với báo Cứu quốc ở Trung ương, còn có báo Cứu quốc khu III, Cứu quốc khu IV, Cứu quốc Thủ đô, Cứu quốc Nam Bộ... Tờ báo Vệ quốc quân và Quân du kích hợp nhất lại thành tờ Quân đội nhân dân xuất bản hàng tuần (10-1950). Các tỉnh đều có bản tin, một số tỉnh có báo địa phương hoặc ra số báo đặc biệt trong các đợt tuyên truyền lớn. Cùng với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Tiếng nói Nam, Đài Tiếng nói Sài Gòn - Chợ lớn tự do cũng khắc phục nhiều khó khăn, chống lại sự phá hoại của địch, duy trì hoạt động có hiệu quả.

Về văn nghệ, Ban Tuyên huấn Trung ương đã tổ chức việc bồi dưỡng chính trị cho văn nghệ sĩ, lập các đoàn công tác, các đội văn công đi sát quần chúng phục vụ việc tuyên truyền kháng chiến, mở rộng phong trào văn nghệ quần chúng, phát triển ngành điện ảnh, mở trường Mỹ thuật, cử người đi học các môn nghệ thuật ở nước ngoài. Ngành giáo dục phổ thông được tiếp tục tổ chức lại theo phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân và phục vụ sản xuất. Một số trường phổ thông lao động ở Trung ương và các tỉnh được thành lập để bồi dưỡng văn hoá cho các chiến sĩ thi đua, cán bộ công nông, binh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm việc cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động tư tưởng. Ngoài các bài phát biểu đối với công tác huấn luyện, công tác báo chí, công tác văn nghệ, năm 1950, với bút danh X.Y.Z. Bác viết bài "Người tuyên truyền và cách tuyên truyền". Với lối văn giản dị, dễ hiểu. Người viết: "Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm". Muốn thành công, phải biết cách tuyên truyền, có nội dung tốt còn phải biết cách nói giản đơn, rõ ràng, thiết thực, phải có lễ độ. Người tuyên truyền phải chịu khó, chịu khổ, khéo ở, siêng làm. Dân sinh hoạt thế nào ta phải sinh hoạt như họ. Thấy dân làm việc gì cũng ra tay làm giúp. Thái độ phải mềm mỏng. Làm đúng như thế thì sẽ thành công to. Ngày 17-8- 1952 Bác phát biểu về "Cách viết", đặc biệt là viết ngắn.

Năm 1952, trong một cuộc họp với cán bộ ở khu căn cứ Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về vấn đề thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Người đã giải thích lợi ích, ý nghĩa của việc thực hành tiết kiệm, những biểu hiện của bệnh quan liêu và nạn tham ô, lãng phí, coi việc chống lại nó cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. .

Người viết: " . . . Muốn thành công trong việc tăng gia sản xuất và tiết kiệm . . . phải tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Nếu không, thì nó sẽ làm hại đến công việc của ta.

Tham ô là trộm cướp. Lãng phí tuy không lấy của công dứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn tham ô. Mà có nạn tham ô và lãng phí là vì bệnh quan liêu

.... Bệnh quan liêu đã áp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân. . . Chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư

tướng và chính trị. . . Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ “giặc ở trong lòng”. Nếu chiến sĩ và nhân dân ta ra sức chống ngoại xâm mà quên chống giặc nội xâm, như thế chưa làm tròn nhiệm vụ của mình. . .”[28]

Trong bài nói trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển toàn diện và sâu sắc những quan điểm về chống quan liêu, tham ô, lãng phí ở các bài viết trước về vấn đề này. Cho đến nay bài nói chuyện vẫn có ý nghĩa thực tiễn trong việc xây dựng đất nước.

Trong hai năm 1952, 1953 thực hiện nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, cuộc vận động chỉnh huấn trong Đảng, trong quân đội, chính quyền, đoàn thể đã được tiến hành. Đây là cuộc vận động giáo dục rộng lớn nhằm chấn chỉnh Đảng, sửa chữa những khuyết điểm chính của cán bộ, đảng viên, nângcao trình độ tư tưởng, ý thức công tác của cán bộ, đảng viên, đồng thời chỉnh đốn tổ chức ở các chi bộ nông thôn. Cách làm chỉnh huấn là tiến hành một đợt học tập ngắn ngày kết hợp với phê bình, tự phê bình, làm từ Trung ương tới khu, tỉnh, huyện.

Trong Bài nói tại lớp chỉnh huấn đầu tiên của Trung ương Chủ tịch Hồ Chí Minh (11-5-1952) chỉ rõ vì sao phải tiến hành chỉnh huấn: "Đảng ta có chủ nghĩa Mác - Lênin, là chủ nghĩa cách mạng và khoa học nhất. Có đường lối, chính sách đúng nhất. Có cơ sở khắp cả nước. Có những cán bộ, đảng viên tận tụy hy sinh vô cùng oanh liệt.

Nhưng vì điều kiện khó khăn, mà số đông cán bộ và đảng viên chưa được huấn luyện hẳn hoi cho nên tư tưởng và trình độ chính trị còn thấp kém và lệch lạc. Điều đó tỏ rõ ra ở mỗi khuyết điểm như: không nắm vững chính sách trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh; không phân biệt rõ ràng bạn và địch; bệnh quan liêu, công thần và nạn tham ô hủ hoá khá nặng, v.v. .

Là một Đảng lãnh đạo, Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch kiểu mẫu Toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm tròn nhiệm vụ của Đảng. . .”[29]. Người căn dặn các đồng chí học viên học tập tốt, thật thà tự phê bình và phê bình,

phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, vì “Cán bộ quyết định mọi việc” Công việc thành hay bại phân lớn là do nơi tư tưởng, đạo đức, thái độ và lề lối làm việc của cán bộ.

Các đợt chỉnh huấn được hầu hết cán bộ tham gia và được các cấp ủy lãnh đạo chặt chẽ. Chỉnh huấn đã làm cho cán bộ thấu suốt hơn đường lối cách mạng, quan điểm kháng chiến lâu dài, tự lực cánh sinh, quan điểm quần chúng, nâng cao ý chí quyết tâm chống đế quốc, phong kiến, chống những khuynh hướng bi quan, dao động, nóng vội, ỷ lại vào sự giúp đỡ bên ngoài, thiếu tin tưởng vào quần chúng, những biểu hiện mơ hồ, hữu khuynh trong việc thực hiện chính sách ruộng đất. Tuy nhiên, những kết quả trên có phần bị hạn chế do có một số khuyết điểm: chỉnh huấn chưa dựa trên cơ sở tổng kết công tác, cách làm còn máy móc, rập khuôn, phê bình thiếu khách quan thường phủ nhận ưu điểm, có trường hợp đã kích cá nhân, truy ép, chụp mũ gây không khí nặng nề sau chỉnh huấn và ảnh hưởng xấu tới việc chỉnh đốn tổ chức.

Tháng 7-1953, sau các thất bại ở Tây Bắc, Thượng Lào, được Mỹ tăng cường viện trợ, Chính phủ Pháp thông qua kế hoạch quân sự Nava. Pháp và Mỹ đều hy vọng kế hoạch này sẽ tạo ra thế mạnh về quân sự, chuyển bại thành thắng trong vòng 18 tháng. Tháng 9-1953, Bộ chính trị có quyết định lịch sử về nhiệm vụ quân sự Đông - Xuân 1953 - 1954, giữ vững quyền chủ động đánh địch ở chính diện và sau lưng địch, phối hợp hoạt động trên chiến trường cả nước và toàn Đông Dương.

Tháng 11- 1953, ta tiến quân lên Tây Bắc và giải phóng Lai Châu, chuẩn bị tiến công Trung Lào và Tây Nguyên. Trước nguy cơ bị uy hiếp, địch nhảy dù đánh chiếm Điện Biên Phủ, xây dựng thành một tập đoàn cứ điểm quân sự. Đồng thời địch phải phân tán lực lượng đối phó với các cuộc tiến công thắng lợi của ta ở Trung Lào, Thượng Lào, Tây Nguyên và đồng bằng Bắc Bộ. Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ để tiêu diệt quân địch, đập tan kế hoạch Nava.

Từ sau Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9- 1953, công tác tư tưởng đã được triển khai mạnh mẽ để làm rõ tình hình và chủ trương của Trung ương, phục vụ cho cuộc tiến công chiến

lược Đông - Xuân. Hàng ngàn cán bộ được học tập và huy động ra phục vụ chiến trường hoặc vào công tác ở vùng sau lưng địch, hàng chục vạn dân công được động viên ra phục vụ tiền tuyến. Khi có quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, công tác tư tưởng đã tập trung làm rõ quyết tâm chiến lược của Trung ương, khắc phục tư tưởng hoài nghi, do dự, thiếu tin tưởng vào thắng lợi. Yêu cầu của cuộc chiến đấu càng to lớn, nặng nề hơn, công tác tuyên truyền động viên cho việc chuẩn bị chiến trường càng khẩn trương, sôi nổi. Khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng" đã biến thành hành động thực tế của hàng triệu nhân dân ta ở hậu phương cả vùng tự do và các vùng căn cứ du kích. Nhân dân đã nhiệt tình cống hiến sức người, sức của cho tiền tuyến. Các lực lượng thông tin, tuyên truyền, văn nghệ của Trung ương, địa phương đã bám theo các đơn vị chiến đấu, các đoàn thanh niên xung phong, đoàn dân công để tiến hành công tác. Việc phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ trở thành một cao trào cách mạng hào hùng lập nên những kỳ tích mà kẻ địch không thể ngờ tới.

Trong suốt chiến dịch Điện Biên Phủ, cùng với cuộc chiến đấu oanh liệt của bộ đội ngoài mặt trận, hàng vạn thanh niên xung phong phối hợp với công binh đã anh dũng mở hàng ngàn kilômét đường, phá bom nổ chậm trên các tuyến giao thông. Hàng chục vạn dân công vượt qua đèo dốc, thác ghềnh, bom đạn, vận tải hàng vạn tấn lương thực, vật tư cho mặt trận chỉ bằng đôi vai hoặc các phương tiện thô sơ: xe đạp, thuyền bè.

Từ đầu năm 1953, thực hiện nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, Đảng phát động quần chúng triệt để giảm tô để thiết thực chuẩn bị cải cách ruộng đất. Mục đích của chính sách cải cách ruộng đất là xoá bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của đế quốc, địa chủ, phong kiến, đem lại ruộng đất cho nông dân, giải phóng sức sản xuất, cải thiện đời sống cho nông dân, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, đẩy mạnh kháng chiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc. Sau khi làm thí điểm ở một số tỉnh Việt Bắc, tháng 1- 1953, Đảng vạch ra Cương lĩnh ruộng đất, xác định đường lối chung của Đảng ở nông thôn và phương châm cải cách ruộng đất. Tháng 12- 1953, Quốc hội ban hành Luật cải cách ruộng đất. Công tác tư tưởng đã làm rõ mục đích của chính sách ruộng đất, sự cần thiết

phải tiến hành cải cách ruộng đất ngay trong kháng chiến, làm rõ đường lối giai cấp của Đảng, khắc phục tư tưởng sợ vỡ đoàn kết, sợ địa chủ phá hoại, thái độ lo lắng hoang mang, thiếu tin vào chính sách mặt trận dân tộc của Đảng. Việc tuyên truyền phát động quần chúng thực hiện chính sách ở cơ sở do các đội công tác trực tiếp tiến hành dưới sự chỉ đạo của các đoàn uỷ. Việc tuyên truyền rộng rãi chính sách thông qua các hội nghị, các phương tiện thông tin đại chúng do các cấp uỷ địa phương chỉ đạo.

Công tác tuyên truyền phát động quần chúng đã giáo dục ý thức giai cấp cho nông dân lao động, nâng cao khí thế cách mạng của nông dân vùng tự do, có ảnh hưởng tới nông dân vùng sau lưng địch. Nó động viên cao độ tinh thần cách mạng của nông dân hăng hái sản xuất, hăng hái đóng góp, đi dân công phục vụ tiền tuyến. Nó cũng động viên các chiến sĩ quân đội con em nông dân ngoài mặt trận hăng hái giết giặc. Từ tháng 4- 1953 đến tháng 7-1954 ta tiến hành 5 đợt giảm tô và một đợt cải cách ruộng đất trong kháng chiến, tuy có một số khuyết điểm, nhưng đã góp phần đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh cuộc kháng chiến, và vào thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954.

Ngày 13-3- 1954, quân ta bắt đầu nổ súng tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Cuộc chiến đấu quyết liệt đã diễn ra trong thời gian chiến dịch dài chưa từng có trong cuộc kháng chiến nên đã có nhiều khó khăn, gian khổ. Đảng đã tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị trong cán bộ và chiến sĩ ngoài mặt trận, giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần tích cực tiến công, ý chí quyết thắng, quyết tâm chấp hành mệnh lệnh chiến đấu, khắc phục tư tưởng tiêu cực ngại gian khổ hy sinh, uốn nắn tư tưởng chủ quan, khinh địch khi có thắng lợi. Các gương chiến đấu quật cường, hy sinh oanh liệt được biểu dương trong toàn quân, toàn dân.

Dự đoán các khả năng phát triển, để tăng cường công tác tuyên huấn trước những diễn biến mới của tình hình, ngày 29-3-1954 Ban Bí thư ra chỉ thị số 71-CT/TU về việc chỉnh đốn sự lãnh đạo công tác tuyên truyền của các cấp uỷ đảng. Bản chỉ thị nhận xét: Trong năm vừa qua, các cấp uỷ đảng chưa thực sự chú trọng lãnh đạo công tác tuyên huấn, biểu

hiện cụ thể là tình trạng “khoán trắng” cho cán bộ chuyên môn; không chăm lo kiện toàn tổ chức, cán bộ các ban tuyên huấn điều động, chuyển chuyển nhiều cán bộ tuyên huấn, nhiều cấp uỷ không cử cấp uỷ viên thực sự chuyên trách công tác tuyên huấn. Ban Bí thư yêu cầu các cấp chấm dứt tình trạng đó, nhất là năm nay cuộc đấu tranh chính trị giữa ta và địch sẽ ngày một phức tạp, nhiệm vụ tuyên huấn trong cuộc đấu tranh ấy rất nặng nề. Nội dung chấn chỉnh gồm 5 điểm: cấp uỷ cử 1 cấp uỷ viên chuyên trách công tác tuyên huấn; các cuộc họp của cấp uỷ phải đề ra những nét lớn về công tác tuyên huấn; không tùy tiện điều động cán bộ tuyên huấn, nhất là trưởng, phó ban, cấp tỉnh và cấp khu khi thay đổi cán bộ phụ trách tuyên huấn phải hỏi ý kiến Ban Tuyên huấn Trung ương; khi cần thiết huy động cán bộ tuyên huấn đi tham gia việc gì thì chú ý sử dụng đúng khả năng chuyên môn của họ; cấp uỷ thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo cán bộ tuyên huấn, kiểm tra, phê bình công tác tuyên huấn.

Việc thực hiện Chỉ thị 71 của Ban Bí thư đã kịp thời tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ - trước hết là cấp khu, cấp tỉnh đối với công tác tuyên huấn, đáp ứng nhiệm vụ công tác tư tưởng trong chiến dịch Đông - Xuân 1953 - 1954, trong phát huy chiến thắng Điện Biên Phủ.

Ngày 07-5-1954, ta tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Trận chiến đấu lớn nhất trong lịch sử kháng chiến đã thành lợi hoàn toàn. Chiến thắng Điện Biên Phủ được liên tục thông báo, tường thuật, bình luận trên đài phát thanh, báo chí, cổ vũ mạnh mẽ các chiến trường cả nước. Một cao trào tiến công và nổi dậy đã diễn ra ở các tỉnh Nam Bộ, đồng bằng Bắc Bộ, Liên khu 5. Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, bãi công, bãi khoá, bãi thị nổ ra ở các đô thị. Hàng vạn nhân dân ở Hà Nội, Hải Phòng, Huế đấu tranh chống bắt lính, đòi chồng con, đòi chấm dứt chiến tranh. Hơn 300 trí thức Sài Gòn ký tuyên ngôn đòi Pháp ngừng chiến tranh xâm lược. Ngụy quyền nhiều nơi tê liệt, hàng vạn ngụy quân bỏ ngũ trở về với nhân dân.

Song song với cuộc đấu tranh quân sự là cuộc đấu tranh ngoại giao. Tháng 11-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời phóng viên Thuỵ Điển về việc Chính phủ Pháp muốn giải quyết

hoà bình cuộc xung đột ở Việt Nam, nói rõ lập trường thương lượng hoà bình của ta: ". . . Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của Việt Nam"[30]. Tháng 12- 1953, Bộ Chính trị ra nghị quyết về chủ trương của Đảng trong đàm phán, thương lượng. Căn cứ vào nghị quyết này, Ban Bí thư Trung ương đã ra thông tri giải thích rõ nghị quyết trên. Thông tri chỉ rõ tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xuất phát từ nguyện vọng hoà bình của nhân dân ta, nhân dân Pháp và nhân dân thế giới. Thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và tay sai rêu rao hoà bình chỉ là lừa bịp, tuyệt đối không nên có ảo tưởng hoà bình, hoà bình cũng như độc lập phải đấu tranh gian khổ mới giành được. Bọn đế quốc "chỉ chịu thương lượng khi nào chúng bị ta tiêu diệt thật nhiều sinh lực và tự nhận thấy không thương lượng hoà bình không được".

Công tác tư tưởng đã dựa vào thông tri của Ban Bí thư giải thích cho cán bộ, đảng viên, nhân dân thấy rõ muốn có hoà bình và độc lập thật sự thì phải ra sức chiến đấu giành nhiều thắng lợi hơn, làm tan rã tinh thần quân đội Pháp và bù nhìn, đòi Pháp phải thương lượng với Chính phủ ta, khắc phục tư tưởng mệt mỏi, ngại gian khổ, hy sinh, ảo tưởng hoà bình sẽ dễ dàng, nhanh chóng. Trong thời gian này, chúng ta cũng đã đẩy mạnh việc tuyên truyền cho đường lối đoàn kết liên minh với nhân dân Lào, Campuchia, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới. Chúng ta đã tổ chức "Tháng đoàn kết hữu nghị Việt - Trung - Xô" có kết quả ở các vùng tự do và căn cứ du kích, cổ vũ nhân dân ta thêm phấn khởi, tin tưởng đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Tháng 5-1954, với bút danh CB, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài "Tuyên truyền" đăng trên Báo Nhân dân ngày 25-5-1954 về vấn đề chống lại "Chiến tranh bằng tuyên truyền của địch". Người viết. . . "nhiều cán bộ ta xem khinh việc tuyên truyền của địch. . .

Nghĩ như vậy là lắm to, là chủ quan, khinh địch rất nguy hiểm.. .

Giọt nước rỏ lâu đá cũng mềm...

Chúng ta phải đánh thắng địch về tuyên truyền, cũng như bộ đội ta đánh thắng địch về

mặt quân sự"[\[31\]](#)

Thắng lợi to lớn của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953- 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ làm thay đổi cục diện chiến tranh, tạo thế mạnh cho phái đoàn ta ở Hội nghị Giơnevơ. Trong suốt quá trình hội nghị, ta đã tiến hành tuyên truyền lập trường chính nghĩa và những đề nghị cụ thể của ta để lập lại hoà bình ở Đông Dương, vạch rõ thái độ ngoan cố của Mỹ, Pháp, cổ vũ nhân dân ta đẩy mạnh kháng chiến giành nhiều thắng lợi hơn, cổ vũ nhân dân Pháp và nhân dân thế giới đấu tranh ủng hộ lập trường của ta đấu tranh đòi lập lại hoà bình.

Ngày 20-7- 1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương, thừa nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Nhân dân ta bước sang một thời kỳ lịch sử mới: thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà.

*

* *

Sau hơn 3.000 ngày tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (23-9- 1945 - 20-7- 1954), nhân dân ta đã giành được thắng lợi vĩ đại có ý nghĩa lịch sử. Như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Thắng lợi của kháng chiến là do nhiều nguyên nhân tạo nên, nhưng nhân tố có tính quyết định là sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự lãnh đạo, chỉ đạo ấy có mục đích chính nghĩa, có đường lối độc lập tự chủ, sáng tạo đã phát huy được sức mạnh của cả dân tộc, kết hợp được sức mạnh dân tộc và quốc tế để giành chiến thắng.

Công tác tư tưởng đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng đường lối và biến đường lối ấy thành phong trào kháng chiến của cả dân tộc, cả nước với tinh thần quyết chiến quyết thắng vì độc lập tự do.

Bước vào chiến tranh, ngay từ khi cuộc kháng chiến cục bộ nổ ra ở miền Nam, Đảng đã bắt đầu tiến hành việc tổng hợp kinh nghiệm lịch sử các cuộc kháng chiến của dân tộc, của nước ngoài, kinh nghiệm đấu tranh giành chính quyền, kinh nghiệm kháng chiến ở miền Nam. Đồng chí Trường Chinh viết: “Dựa vào sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng dân tộc, một cuộc tổng hợp những kinh nghiệm lịch sử và kinh nghiệm nước ngoài đang được thực hiện. . . [\[32\]](#)”

Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi " đã khái quát kinh nghiệm lịch sử, trình bày chiến lược vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa đánh vừa xây dựng chế độ mới, phát triển những quan điểm đã được tổng kết trong chỉ thị toàn dân kháng chiến của Trung ương, dự đoán khả năng phát triển, khẳng định kháng chiến nhất định thắng lợi. Trong quá trình kháng chiến, Đảng đã xem xét đánh giá tình hình từng thời gian, vận dụng lý luận để tổng kết kinh nghiệm, từng bước nắm vững quy luật chiến tranh cách mạng, bổ sung và hoàn chỉnh đường lối. Chính trong quá trình vừa làm, vừa học, phê bình, tự phê bình mà đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh được cụ thể hoá trong các thời kỳ phát triển.

Để biến đường lối ấy thành phong trào kháng chiến, công tác tư tưởng đã kiên trì, bền bỉ làm cho cán bộ và nhân dân ngày càng thông suốt đường lối, phát huy cao độ lòng yêu nước, khí phách kiên cường của dân tộc "quyết không chia mất nước", "quyết không làm nô lệ". Mọi người đều hiểu được mục đích kháng chiến là cứu nước, cứu nhà nên toàn dân phải đánh giặc, đánh giặc phải lâu dài gian khổ nhưng nhất định thắng lợi.

Công tác tư tưởng đã thường xuyên tố cáo những tội ác dã man của địch để nâng cao lòng căm thù, ý chí quyết tâm kháng chiến, không ngại hy sinh gian khổ, vạch những thủ đoạn xảo quyệt của địch để đề cao cảnh giác. Đã kết hợp giáo dục chủ nghĩa yêu nước với tinh

thần đoàn kết quốc tế, làm cho mọi người phân biệt được bọn thực dân xâm lược pháp với nhân dân lao động Pháp.

Công tác tư tưởng đã phê phán, đẩy lùi những khuynh hướng lệch lạc, phổ biến là bi quan, ngại đánh lâu dài, ngại hy sinh gian khổ, chủ quan khinh địch, thiếu cảnh giác, nôn nóng muốn đánh nhanh, thắng nhanh, ỷ lại viện trợ bên ngoài.

Đề nâng cao tính tiên phong gương mẫu của đảng viên, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, khắc phục bệnh quan liêu, xa rời quần chúng, Đảng đã rất coi trọng việc giáo dục lý tưởng, đạo đức, tác phong cách mạng cho cán bộ, đảng viên, chỉ đạo chặt chẽ các đợt giáo dục quan trọng như học tập thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh kết hợp phê bình, tự phê bình năm 1947, học tập Chính cương, Điều lệ Đảng năm 1951, chỉnh huấn 1952 - 1953. Trong hoàn cảnh kháng chiến, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ vẫn được chú ý tiến hành thường xuyên.

Công tác tuyên truyền cổ động đã đi vào từng nhà, từng người, gắn việc tuyên truyền đường lối kháng chiến với cổ động kịp thời, sắc bén cho việc hoàn thành những nhiệm vụ kháng chiến từng thời kỳ. Nó đã thường xuyên biểu dương những điển hình tiên tiến, cổ vũ cho phong trào thi đua yêu nước, khơi dậy những điều tốt đẹp nhất trong con người và cộng đồng Việt Nam: lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần dũng cảm, kiên cường, trí thông minh, tài năng sáng tạo, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết trong đấu tranh, v.v. . Mọi hoạt động văn học, nghệ thuật, giáo dục đều hướng vào phục vụ công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Trong hoàn cảnh khó khăn, ngoài các báo chí ở Trung ương, các khu, tỉnh, thành phố đều xuất bản được báo hoặc bản tin phát hành tới các đơn vị cơ sở. Công tác thông tin ở cơ sở, phong trào văn nghệ quần chúng nhất là ca hát được phát triển rộng rãi làm cho cuộc kháng chiến tuy gian khổ nhưng không khí thôn xóm vẫn vui tươi lành mạnh.

Ở vùng sau lưng địch, ta đã lợi dụng mọi khả năng hợp pháp, nửa hợp pháp để tiến hành công tác tuyên truyền như vận động các nhân sĩ, trí thức tiêu biểu ra tuyên bố có lợi cho kháng chiến, cử người viết bài trên các báo công khai. Khuyết điểm chính trong công tác

tư tưởng thời kỳ này là có thời gian chưa quán triệt quan điểm trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh thể hiện trong việc tuyên truyền nhiệm vụ chuẩn bị tổng phản công năm 1949, áp dụng máy móc, rập khuôn kinh nghiệm của nước ngoài trong việc chỉnh huấn cán bộ và trong công tác tuyên truyền phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất.
..

Nhìn chung trong kháng chiến, chỉ trừ một số rất ít kẻ phản động, người làm đường, toàn thể dân tộc ta đã tham gia đánh giặc bằng nhiều hình thức. Đó là do sự lãnh đạo đúng đắn nhiều mặt của Đảng, trong đó có kết quả của công tác tư tưởng sâu rộng, sắc bén, có hiệu quả lớn. .